

Bài 53. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | đến bài Phẩm Lớn | Sư Giác Nguyên giảng 23/04/2018

Nội dung so sánh ba minh của Bà-la-môn và ba minh của Phật pháp mình giảng hôm qua rồi, cho nên xin thông qua bài kinh này nha. Mới vừa giảng xong hồi hôm qua, quý vị hoan hỷ cho xin bài tiếp theo.

Ở đây nội dung bài kinh này là như thế này: cũng giảng về ba minh nữa. Có ông Bà-la-môn tên là Sangārava, một ông rất là nổi tiếng. Nổi tiếng là sao? Nổi tiếng là bởi nhiều lần ông đến gặp Phật và ông hỏi Ngài nhiều vấn đề rất là quan trọng. Nổi tiếng là vậy thôi. Nổi tiếng là ông đến hỏi Ngài nhiều vấn đề quan trọng.

Sau này chúng ta lần lượt, thí dụ như chúng ta lần lượt nhìn thấy những bài kinh đó, chẳng hạn như Tăng Chi Bộ ở phần Năm pháp, ta sẽ gặp lại ông nha. Chúng ta sẽ lần lượt gặp rải rác, rải rác như vậy.

Thì trong bài kinh này, ông đến gặp Phật, ông thưa với Ngài một chuyện. Phải nói là bên đạo Bà-la-môn ấy, người ta có cúng tế này nọ, còn ở trong Phật giáo thì không. Cúng tế là sao? Có nghĩa là lâu lâu như vậy đó, người ta tổ chức những tế đàn lớn. Tế đàn tiếng Pali gọi là yañña, gọi là tế đàn; còn cái cúng tế, động từ nó là yajati, danh từ nó là yañña: tế đàn, là buổi cúng đó.

Các tế đàn nó gồm có nhiều loại. Loại nhỏ nhỏ là mời mấy ông tu sĩ về cúng cơm cho mấy ông thôi, đó là tế đàn nhỏ. Còn tế đàn lớn là mình phải mời đông đúc hàng ngàn người, hàng trăm người về để mình cúng dường, đó là tế đàn lớn hơn. Và dĩ nhiên càng đông thì lễ vật nó càng phong phú, phức tạp hơn.

Còn tế đàn lớn nhất thì sao ta? Thì người ta phải mổ trâu bao nhiêu, mổ bò bao nhiêu, dê cừu bao nhiêu. Và thậm chí những tế đàn do những ông vua ông làm, ông đứng ra bỏ tiền ra làm đó, thì ông mời; ngoài cái việc mà đông đảo các thầy bà, tu sĩ, nam nữ của các hệ phái về, ông còn cho giết đồng nam và đồng nữ nữa. Đồng nam là mấy

đứa bé trai, và đồng nữ là mấy đứa bé gái, cũng cột vào cọc rồi cắt cổ lấy máu. Rồi mấy ông thầy cúng, mấy ông tu sĩ đó mới lấy cái máu đó đi bôi trên mấy cái tượng và đi rải, đi rắc chung quanh cái lễ đài đó. Thì đó gọi là tế đàn lớn.

Và cái tiêu chuẩn để thực hiện các tế đàn này rất là phức tạp. Tối thiểu, vị tu sĩ chủ tế, đứng đầu trong buổi cúng đó, tối thiểu là hội đủ ba tiêu chuẩn.

Một là phải thanh tịnh về huyết thống, có nghĩa là nhiều đời liên tục trong dòng họ không lấy người ngoài giai cấp Bà-la-môn.

Thứ hai là bản thân ông chủ tế đó phải là nhà trì chú, có nghĩa là cả đời ông chỉ sống với bùa phép thôi, không có cái việc thứ hai để làm.

Thứ ba là bản thân ông là người tinh thông kinh Vệ-đà, tức là giáo điển của Bà-la-môn giáo đó. Giống như bên Nho có Tứ thư, Ngũ kinh; bên đạo Lão thì có Đạo tạng; đạo Phật thì có Tam tạng kinh điển; bên Chúa thì có Thánh kinh Bible; còn bên đạo Hồi thì có kinh Qur'an. Thì bên đạo Bà-la-môn có ba tập Veda. Ông thầy chủ tế phải tinh thông ba tập Veda, thì hội đủ điều kiện như vậy mới thực hiện buổi cúng tế.

Ông này ông tới Ngai, ông nói: một buổi cúng như vậy của các tu sĩ Bà-la-môn đem lại lợi ích cho nhiều người lắm. Một buổi cúng như vậy là ban phước cho muôn người, đồng thời tế cáo trời đất để cho thuận với lòng trời, và cầu nguyện cho mưa thuận gió hòa, thiên nhiên thì tốt đẹp, không có trái gió trở trời, phong điều vũ thuận.

Cái đạo mà lâu lâu người ta làm một cái, lâu lâu người ta làm một buổi như vậy thì lợi ích rất là lớn. Mấy người theo đạo Phật cái gì đâu mà cạo đầu, cái ôm bình bát đi xin; đi xin xong rồi cái kiếm một cái gốc cây nào đó ngồi thiền. Như vậy nói về lợi ích thì nó đâu bằng cái đạo kia. Cái đạo kia, mấy người tu sĩ lâu lâu cái người ta gom lại thiết là đông, cái người ta làm một bữa cúng, người ta làm ẩm ỉ, um xum, bát nháo rồi mới chia phước cho muôn loài. Chứ còn bên cái đạo gì đâu mà cứ lạng lẽ ôm bát đi xin, rồi lạng lẽ kiếm chỗ vắng ngồi thiền.

Mình nhìn mình thấy rõ ràng hai cái khác nhau: một bên là ban phúc cho muôn loài, còn một bên tu hành cái kiểu cá nhân, cái kiểu khép kín, cái kiểu gọi là ích kỷ, cái kiểu vụn vặt.

Thì Đức Phật hỏi lại ông:

“Hãy suy nghĩ kỹ lại đi. Chuyện đó không có đơn giản như ông nghĩ đâu. Ông chỉ nghĩ đơn giản là đi bát rồi chỉ một mình, ngồi một mình, đi ăn một mình, ngồi thiền một mình, thấy là ích kỷ. Nhưng ông nghĩ theo một cái hướng khác: là một người mà thực hành chánh pháp, thực hành Bát Chánh Đạo, rồi đem khuyến giảng cái nội dung lý tưởng phạm hạnh đó cho người khác cùng tu tập như mình, không phải là một mà hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn, thì công đức đó nó có phải là ít hay không?”

Vấn đề trong đạo Phật mình đó là nhiều người hiểu lầm là Nam tông là Tiểu thừa, là ích kỷ, là tu cho mình mình. Nhưng thực ra quý vị nghĩ kỹ đi, trách nhiệm của vị Sa-môn trong đời tu gồm có hai. Nói gọn là có hai: pháp học, pháp hành. Còn mà nói cách khác thì trách nhiệm Sa-môn cũng gồm có hai: là với mình và với người.

Ai không tin có hai trách nhiệm này thì làm ơn mở trong kinh coi có phải vậy không? Vì đâu mà Thế Tôn thuyết giảng ba tạng? Trong đó mình thấy: một là hỗ trợ cho bản thân vị Tỳ-kheo đó, chính kinh điển giới luật; thứ hai là chính những gì Phật dạy có nội dung là đem lại niềm tin cho những người chưa có niềm tin, và hỗ trợ, củng cố niềm tin cho những người đã có niềm tin. Điều này đã được lập đi lập lại rất là nhiều lần.

Điều đó cho thấy là nội dung tu hành của người tu nó không phải chỉ có một mình mình, mà ngoài cái lợi tự lợi còn có lợi tha nữa; ngoài cái tự độ còn có cái độ tha. Và vấn đề là nó nằm ở khả năng của mỗi Tỳ-kheo: học bao nhiêu, hành được bao nhiêu và hoằng hóa được bao nhiêu.

Chứ còn mình nhìn Phật giáo từ góc độ một mình, mình thấy: sao ông đi bát xong rồi về ông ăn một mình, ngồi thiền một mình, ngủ một mình, đi đâu cũng một mình, nhìn

thấy rõ ràng là ích kỷ thiệt. Nhưng đó là trên mặt nổi thôi, chứ trên cái mặt chìm, ở chiều sâu thì nó sâu lắm. Vấn đề là pháp học vị đó bao nhiêu, pháp hành vị đó bao nhiêu, khả năng chia sẻ vị đó bao nhiêu? Nếu mà nhìn từ góc độ này thì tinh thần Phật pháp không có phải là ích kỷ, và cái lợi lạc mà một Tỳ-kheo chân chánh đem lại cho quần sanh không có nhỏ đâu.

Tôi hỏi quý vị một...

Chuyện thôi, trong Zoom này có ai biết ngày sanh của Sitagu không? Cái vị mà coi như có trường đại học quốc gia ở Mandalay, ở Sagaing gần Mandalay; ngài có luôn những trung tâm Phật học ở Miến Điện, ở Austin, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ có trung tâm Sitagu, ở Myanmar, tiểu bang Florida ở Hoa Kỳ, đều là những trung tâm hoành tráng. Và tại Sagaing Hill ở Miến Điện, gần Mandalay, cũng có một trường đại học Theravada cũng cực kỳ hoành tráng. Và không ít người Việt, người Lào, người Campuchia, người Đại Hàn, người Nhật Bản cũng đang học ở đó.

Rồi các vị có biết Ngài {} là Viện trưởng trường Theravada University ở Yangon hay không? Rồi quý vị có biết Ngài Pa Auk hay không? Ngài có mấy trung tâm lớn ở Yangon, ở {}, tức là {} ở bên Singapore, rồi ở Mỹ. Tôi chỉ kể một ít. Rồi tôi kể thêm một mớ nữa như là Hòa thượng Nhất Hạnh nè, rồi những dòng thiền Ajahn Chah, bên Úc, bên Mỹ nè, bên Âu Châu nè, rồi {} nè.

Thì tôi xin hỏi: đó là những cá nhân chứ đâu phải tập thể. Bản thân Ngài {}, Ngài Pa Auk nè, bản thân Ngài {}, bản thân Ngài Ajahn Chah, toàn là cá nhân không, nhưng mà hỏi đóng góp của các vị đó cho đời có phải đủ để cho mình quỳ lạy không?

Cho nên vấn đề ở đây nó không phải là anh phải cúng bái rồi cầu nguyện cho phong điều vũ thuận, thiên nhiên khí, ban phúc cho muôn loài. Cái vấn đề là nội dung tu hành nó ra làm sao?

Chưa kể anh làm gì để anh cúng, tôi chưa có nói nha; anh giết chóc, anh sát sanh, anh hại mạng, đoạt mạng hại người, chưa kể cái khoản mà anh cúng đó, lâu lâu anh cúng

một lần. Còn trong khi một vị Tỷ-kheo mà tu tập theo tinh thần Bát chánh đạo thì bản thân vị đó an lạc và vị đó chia sẻ lý tưởng phạm hạnh ấy cho vô lượng chúng sanh, bằng cách là ngọn đèn đầu tiên thắp cho ngọn đèn thứ hai, thứ ba; ngọn đèn thứ hai, thứ ba nó lại lan, nó lại được mời lửa, nó được truyền đăng tục diệm cho ngọn đèn thứ năm, thứ mười, rồi thứ một trăm, thứ một ngàn.

Cho nên tinh thần Phật pháp được hiểu như ngọn lửa, thấy leo lét như vậy nhưng khả năng lan truyền rất lớn. Vấn đề là bản thân ngọn đèn đó có được bao nhiêu dầu và có bao nhiêu người chịu mời. Chứ còn quý vị không chịu mời thì tấm lòng của chư Tăng cũng không giúp được gì cho quý vị. Phật pháp có cao thâm cỡ nào cũng không thể giúp được gì cho quý vị được cái gì đâu nha.

Cho nên ông không hiểu chỗ này. Ông cứ nói một bên là người ta tu, lâu lâu người ta cúng tế âm ỉ; còn một bên tu gì đâu mà rù rù, im ru hà, không có gì ghê gớm. Cho nên ông mới nói là cái lợi ích của Phật pháp coi bộ nó èo uột, có vẻ nó leo lét quá, mặc dù có phần lung linh đó, nhưng nó không được rộng rãi.

Thì khi đó Đức Phật phân tích cho ông nghe. Ông nghe rồi thì lúc đó ông mới hiểu: “À, thì ra con đã hiểu lầm.” Ngài phân tích cho ông nghe đó. Rồi khi Ngài hỏi ông như vậy thì cái nào hay hơn? Ông thì không hiểu lời Ngài, rồi thì Ngài Anan mới tiếp lời.

Trong chú giải nói, trong những trường hợp này nè, có nhiều trường hợp Ngài Anan không muốn Thế Tôn phải mất công. Chẳng hạn như trong kinh kể một lần đó, có nguyên một đám đông người Bà-la-môn đến vấn đạo Thế Tôn, hỏi đạo Ngài. Ngài trả lời xong rồi, Ngài Anan ngồi kế bên Ngài suy nghĩ như thế này: “Thế Tôn đã mệt mỏi rồi, hãy để Thế Tôn nghỉ ngơi. Cha mệt, hãy để con thay thế.” Ngài nghĩ như vậy. Thế là Ngài xin phép Thế Tôn: “Cho con được nói chuyện với cái đám này.”

Một lần khác, nguyên một đám Bà-la-môn đến nói chuyện hầu Phật. Nguyên đám Bà-la-môn lớn tuổi có, nhỏ tuổi có. Thì trong đám đó, mấy vị lớn nói chuyện xong

rồi, cái ông nhỏ lên tiếng. Ngài Anan mới suy nghĩ: “Cha nói chuyện với cha, bây giờ con nói chuyện với con.” Ngài nghĩ như vậy mới xoay qua bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, cho con nói chuyện với cái ông này.” Nhiều lần lắm, vì Ngài thấy là Thế Tôn đã nói rồi mà cái ông này vẫn trầm trồ trầm trất, thì Ngài Anan mới xin Thế Tôn cho Ngài góp lời.

Quý vị nhớ nha, Ngài Anan mới hỏi ông Bà-la-môn này nè:

“Đức Thế Tôn đã nói rõ như vậy rồi, nói rõ người xuất gia mà hành đúng tinh thần Bát chánh đạo, đúng lý tưởng phạm hạnh như vậy đó thì lợi ích có thể đem lại nhiều lắm, có đúng như vậy không? Mà nếu đúng như vậy, một bên tu rồi chỉ biết cúng tế, một bên tu rồi trang nghiêm bản thân và hoằng hóa nội dung tu tập ấy, thì hai cái này so ra cái nào tốt hơn?”

Ngài hỏi như vậy đó. Thì ông nhìn nhận dĩ nhiên con đường xuất gia là tốt hơn. Nhưng lúc đó Ngài Anan quan sát, Ngài thấy không thể để mọi chuyện kết thúc ở đó, cho nên Ngài Anan hỏi ông Bà-la-môn này, hỏi cái nào nó hay hơn. Hỏi lại lần nữa, ông không trả lời Ngài Anan thẳng, mà ông nói là:

“Con thấy người như Thế Tôn và như Tôn giả, con thấy là quý quá rồi, gặp rồi con thấy hai vị là đáng nể.”

Ngài Anan nói:

“Không, tôi không hỏi ông như vậy. Tôi không hỏi ông là ai đáng kính nể, mà tôi hỏi ông là hai con đường tu hành kiểu đó cái nào hay hơn?”

Thì ông chỉ có một câu đó trả lời.

Lúc đó Đức Phật mới suy nghĩ như thế này: “Câu hỏi của Anan rất là hay, nhưng mà ông này không biết trả lời, thì thôi ta hướng đề tài nói chuyện sang một cái việc khác.”

Ngài mới hỏi:

“Ông làm việc trong cung, bữa nay trong cung vua và triều thần nói chuyện gì vậy?”

Ở đây là một chi tiết rất là đặc biệt. Vì Thế Tôn có thần thông, Ngài biết khi mà Ngài lái qua đề tài này thì sẽ đưa ông này qua hướng khác. Vấn đề thần thông, Ngài biết rất rõ là ông này trước khi đến hầu Phật thì ông từ cung vua ổng đi ra, và trong cung vua bữa nay bàn về chuyện gì. Và Đức Thế Tôn xét thấy là cái đề tài này giờ nói nó có liên quan đến câu chuyện mà sáng nay trong cung vua và quan bàn bạc. Thay vì hỏi tới hỏi lui ổng không chịu trả lời, thì thôi Ngài mới đem cái chuyện mà sáng nay ổng mới vừa bàn trong cung, Ngài hỏi ông và giải thích cho ổng nghe, thì ổng sẽ hiểu được cái vấn đề mà ổng mới vừa hỏi Ngài.

Tức là sáng nay, trong cung, trước khi ổng đến hầu Phật, ổng đã vào trong triều, ổng họp mặt với vua và quan ở đó, rồi nó mới nảy ra một đề tài tranh luận. Rồi đề tài nó ám trong đầu của ổng. Khi vào gặp Phật, ổng đưa một câu hỏi nó có nội dung lan man gần giống với đề tài mà ổng nói chuyện trong cung. Khi mà ổng đem đề tài đó ổng bạch hỏi Thế Tôn, thì Thế Tôn giải thích cho ổng nghe mà ổng còn ăm ớ, thì Thế Tôn mới đem cái chuyện kia để bổ sung.

Bằng cách hỏi lại ổng, nói cho ổng nghe chuyện lúc sáng, là tự nhiên ổng sáng bừng cái thắc mắc của ổng thôi.

Ngài, với thần thông, Ngài biết sáng nay trong cung nói chuyện gì. Coi như Ngài bỏ qua cái câu kia, bỏ qua cái vấn đề đang bàn là tu bằng cách cúng bái tùm lum rồi cầu nguyện; một bên tu là trang nghiêm thân tâm, cái nào là giúp cho người ta được an lạc, lợi ích nhiều hơn. Bây giờ đây cái đề tài đó qua một bên mà Ngài hỏi chuyện trong cung, hỏi sáng nay trong triều vua quan nói chuyện gì với nhau?

Ổng nói: Dạ, hồi sáng tụi con nói như thế này. Trong đời Thế Tôn có mấy chục năm, được chia là nhiều giai đoạn, mà cái giai đoạn đầu, ở đây trong kinh nói là thuở xưa, nhưng phải hiểu là trong mấy chục năm đầu, lúc mấy chục năm mà Thế Tôn mới

thành đạo, chư Tăng không có đông rần rộ như bây giờ, như lúc này, lúc mà ông đang hầu chuyện.

Trong kinh nói rằng khi Thế Tôn viên tịch ở xứ Naga thì trên toàn cõi Ấn Độ lúc đó có trên bảy trăm ngàn vị Tỳ-kheo, có nghĩa là hơn nửa triệu Tỳ-kheo. Quý vị biết, đông kinh hoàng luôn. Ngay cái ngày mà Thế Tôn viên tịch thì trong toàn cõi Ấn Độ có trên bảy trăm ngàn Tỳ-kheo, đông lắm. Ngay cả Miến Điện, bảy trăm ngàn là đông gấp đôi chư Tăng Thái Lan bây giờ, gần gấp đôi chư Tăng Miến Điện bây giờ.

Trong cung mới bàn như thế này: Ngày xưa chư Tăng đâu có đông như bây giờ, mà thời đó đặc chứng thần thông, đạo quả thì đầy dẫy; còn bây giờ hình như chư Tăng thì đông hơn, nhưng tính ra cái tỷ lệ phần trăm, tỷ số chứng đắc thì ít hơn, sao kỳ vậy? Hồi xưa thần thông nhiều lắm, bây giờ không có bằng.

Ông kể lại cho Thế Tôn nghe. Ông nói hồi sáng vua và quan bàn nhau chuyện đó.

Khi mà nghe chuyện này thì Đức Thế Tôn biết trước là ông sẽ trả lời như vậy, và Ngài nhân câu trả lời đó, Ngài nói về ba loại thần thông. Tại vì tôi nhắc nha, khi mà ông nói chuyện trong triều đình bàn về chuyện tu chứng là họ không chú ý lắm, họ chỉ nhắc qua thôi, nhưng họ không chú ý đến chuyện đạo quả, mà chỉ lo bàn chuyện thần thông thôi. Bởi vì đặc quả nhìn vô làm sao mà biết, còn thần thông thì nó hóa hiện hình mình biết.

Chứ còn mình đặc A-la-hán, thứ nhất là mình không có lòng khoe, và thứ hai nữa là, tôi giả định thôi nha, nếu cho người ta biết mình chứng A-la-hán thì không có cách nào để cho người ta biết mình đặc A-la-hán hết. Cho nên chúng sanh mình, thứ nhất là A-la-hán không có lòng khoe; thứ hai, nếu có ai đó muốn diễn tả ai là A-la-hán, tôi không biết trong Zoom biết cách nào chứ tôi tìm không ra rồi đó. Bởi vì cái chuyện mà không tham, không sân, không si, mình dựa vào đâu mà mình có thể chứng minh?

Riêng mấy vị có thần thông, mấy vị đó dễ lắm. Mấy vị chỉ cần búng tay, mấy vị ngồi lơ lửng là mình thấy có thiệt rồi đó. Đặc thần thông là có thiệt. Nói chuyện đi trên

lửa, đi trên nước, rồi tàng hình, hóa cái này, hiện cái kia, cái đó mình phải thấy. Đối với thiền định, thần thông mình nhìn mình thấy.

Thí dụ như nhập định nè. Mình không tin, bây giờ ổng cứ ngồi yên gốc cây đó cả tuần lễ không ăn không uống, không tiêu không tiểu, không nhúc nhích, không cử động, không có biểu lộ buồn vui, thì dĩ nhiên mình tin, tin thẳng cha này định. Còn thần thông thì thẳng cha này hóa này, hóa kia, thì mình nhìn biết ông này có thần thông. Còn đạo quả thì kiểu nào đây? Thứ nhất là người ta không muốn khoe, đúng rồi, nhưng ví dụ muốn cho thấy ông A, ông B ổng đắc quả thì mình làm sao ta? Chỉ có chết thôi chứ làm sao mà cho người ta thấy được.

Cho nên trong kinh, Phật dạy các Tỳ-kheo trong buổi đầu giáo pháp, họ chỉ nói nhiều về vấn đề thần thông. Chính vì chỗ này, Thế Tôn Ngài mới nhân cái duyên này, nhân dịp này, Ngài mới nói cái thần thông mà kẻ phàm phu hay nói, nó chẳng là cái gì trong cái nhìn của bậc Thánh hết.

Vì sao? Vì thần thông nó có nhiều loại. Loại một gọi là Pathi, {...}, gọi là biến hóa thông, có nghĩa là kêu mây gọi gió, dời non lấp biển; nói theo tiếng Tàu cho nó sang, gọi là hô phong hoán vũ, di sơn đảo hải, sai đậu thành binh, nghĩa là rải đậu ra thành nguyên đoàn quân; kêu mưa gọi gió, cười mây, đi mây về gió, đó được gọi là thần thông.

Mà trong cách nghĩ của Đức Phật là phàm phu. Thậm chí có thể bay đến vũ trụ khác thì gọi đó là thần thông. Nhưng Ngài, nay mai chứ không xa đâu, chúng ta sẽ học bài kinh khác sẽ nói rõ vụ này. Bây giờ trong bài kinh này gọn quá, bây giờ tôi nói trước nha, cho nó sáng thêm cho bà con. Bây giờ sẵn học luôn.

Thời Đức Thế Tôn ra đời ở Ấn Độ, nó có hai loại chú thuật gọi là {...}. Hai loại chú này nè, nó mạnh đến mức mà cái người luyện xong hai loại bùa này nè, họ có thể làm được những việc y chang như những vị đắc thần thông làm vậy. Ví dụ như họ có thể

biến hiện ra con này con kia, biến hiện ra nhà cửa, ao hồ, núi non, và thậm chí họ có thể bay lên tới cõi Phạm Thiên, để sợ chữa.

Và ngay trong hàng đệ tử Thế Tôn có một vị Tỳ-kheo tên là {...}. Ngài có thân thể hơi đặc biệt, đó là mẹ của Ngài là một tiểu thư con nhà giàu, khuê môn kín cổng cao tường, ba má chờ cái chỗ môn đăng hộ đối mới gả. Trong thời gian chờ kén rể, {...} mới ém hàng, giấu nàng ở trong tòa lầu bảy tầng, giao cho bà vú nuôi chăm sóc mỗi ngày.

Có thằng cha kia bùa, bùa khi rất là cao tay. Thường thường chả dùng cái loại bùa {...} này, chả bay đi. Thay vì mình đi bộ, chả đi từ chỗ này đến chỗ kia bằng cái bùa đó đó. Bữa đó chả bay ngang qua tòa lầu đài, thấy cô này đẹp quá, ổng mới vô trong đó, ổng này nọ với cô, rồi cố có mang, rồi xong ổng đi mất tiêu.

Cổ đến cái ngày có bầu sanh con, cổ mới nói thiệt bà vú nuôi, nói: Giấu giùm con vụ này, đừng để gia đình biết, gia đình giết con. Thì bà vú nuôi mới đem đứa bé liệng xuống sông. Thay vì bả giết thì bả không có nỡ, bả mới thả bè đứa bé, bỏ lên trên đó một chút tiền bạc, ai lượm được thì nuôi dùm.

Thì cái bè đó, cái nôi bỏ đứa bé, nó trôi theo dòng nước, được người ta vớt lên. Người vớt cái nôi đó lại là một người Phật tử, đệ tử của Ngài Anuruddha đệ nhất thiên nhân. Bà này bà thấy đứa bé kháu khỉnh, bả thương, bả đem về bả nuôi. Thì Ngài Anuruddha thỉnh thoảng Ngài ghé thăm người đệ tử của mình. Ngài nhìn thấy đứa bé, Ngài biết đây là thứ dữ rồi, nói rằng: Nuôi nó nghe, ráng nuôi nó ít lâu rồi ta cho đi tu. Đây là bậc long tượng, bậc pháp khí đại thừa chứ không phải thường.

Thì bả nuôi một thời gian. Chuyện về đứa bé này dài lắm, nhưng đại khái bả nuôi, bả càng phát hiện ra đứa bé này coi như là bậc đại nhân, phúc lộc tràn trề. Thì đến một cái tuổi nào đó, Ngài về, Ngài thấy được rồi, Ngài dắt đứa bé đi tu và chứng A-la-hán.

Thì các vị thấy không, thời đức Phật tại thế nó vẫn còn cái loại bùa kinh hoàng như vậy.

Trường hợp thứ hai là vua Bimbisara, có nghĩa là vua Bình Sa Vương, là cha ruột của vua A Xà Thế. Ông này trước khi ông biết Phật pháp, ông là vị vua phong lưu. Phong lưu là trong cung ông tam cung lục viện, hàng ngàn giai nhân tú lệ, thiên kiều bá mị, thơm phức, lộng lẫy. Nhưng mà ông xài hàng cũ ông cũng nản, lâu lâu ông muốn đổi.

Thì ông có một ông quan đại thần. Ông quan đại thần này ông rất là giỏi bùa {}. Ông này ông dùng bùa đó ông điều khiển dạ xoa. Ông này dưới tay ông có một con dạ xoa rất là mạnh, thần thông rất là giỏi.

Mỗi lần mà vua muốn thay đổi khẩu vị, ông vua chỉ cần nói với ông đại thần này thôi, nói với ông quan này. Thì ông quan này ông dùng bùa, ông điều khiển con dạ xoa đó làm một trong hai việc sau đây: một là con dạ xoa đó đem vua đi đến chỗ nào có gái đẹp để ông thưởng thức; còn hai nữa là đem gái đẹp từ phương xa về cho vua Bình Sa Vương xài tại trong cung, rồi đem trả hàng lại cái chỗ cũ. Quý vị nghe khủng khiếp không?

Đó là hai chuyện. Thứ ba là các vị thấy cái vị {} mà tôi vừa viết là trước khi Ngài đi tu, Ngài có một khả năng rất là đặc biệt: Ngài gõ vô cái sọ người thì Ngài biết người này chết sanh về cõi nào. Khi Ngài nghe người ta đồn thôi là Sa-môn Gotama, Phật Cồ Đàm, còn giỏi hơn mình gấp ngàn, gấp trăm, gấp triệu lần như vậy; vị đó nhiều cái còn cao tay hơn mình nữa. Ngài nghe thấy, Ngài tò mò, Ngài đến học đạo, học bùa.

Khi Ngài đến, đức Phật mới hỏi:

“Theo ta biết, người có khả năng đó phải không?”

“Dạ.”

Thì Ngài dùng thần thông đem cái sọ của người phàm ở đâu đó, mà với khả năng Ngài tìm ở đâu có khó. Rồi Ngài mới đem sọ người trước mặt ông, ông gõ gõ rồi mới nói:

“Cái ông này đang ở cõi trời.”

Thì Phật đem đến cho ông ba cái khác nhau. Rồi ông gõ gõ cái nữa, ông nói:

“Ông bị đọa rồi.”

Ông gõ gõ:

“Ông này đang ở cõi người, đang ở đâu đó.”

Lúc đó đức Thế Tôn, Ngài dùng thần thông, Ngài vô núi lấy một cái sọ của một vị Phật Độc Giác, Ngài đưa ông. Thì cái sọ ai cũng giống ai thôi, sọ thì phàm thánh giống nhau thôi. Thì Ngài đưa cái sọ của vị Phật Độc Giác cho ông, ông đổ mồ hôi, gõ hoài mà gõ không ra:

“Ông nội này ở đâu trời!”

Thì lúc đó đức Thế Tôn mới hỏi:

“Người tìm không ra hay sao?”

Ông bạch Thế Tôn:

“Thưa Ngài, con gõ hồi này giờ bao nhiêu cái con tìm ra hết, sao ông này con gõ hoài không ra, không biết ông đi đâu?”

Thì Ngài nói:

“Đó là một vị A-la-hán đã Niết-bàn rồi, không còn có tái sanh thì làm sao mà người tìm ra được.”

Thì vị này hỏi:

“Có cách nào con học được khả năng của Ngài hay không?”

Phật nói:

“Được, nhưng phải xuất gia.”

Thì vị này xuất gia, trong vòng ba canh thì đắc quả lục thông, tam minh và bốn trí vô ngại. Thì lúc đó đâu có còn màng tới gõ làm chi, ngồi yên cũng biết chứ cần gì gõ.

Thì sẵn đây tôi nói luôn, cái bùa chú nó có nhiều cái thứ mà nó làm việc y như thần thông vậy. Cho nên cái bùa thứ nhất, cái ông Bà-la-môn này tên {...}, ông có biết, có nghe tới cái loại bùa này.

Đức Thế Tôn nói có ba loại thần thông sau đây: một là biến hóa thần thông, hai là tha tâm thông. À, bữa nay mình học thêm chữ nữa, chữ [...] nó tương đương với {...}, tức là tha tâm thông.

Thì cái loại thần thông thứ nhất {...}, ông Bà-la-môn này ông nghe kể, dạ nói:

“Cái thần thông này đối với con là huyền hóa, bởi vì bùa người ta cũng làm được.”

Huyền hóa tiếng Pali là Maya. Chữ Maya có nhiều nghĩa lắm, có nghĩa là magic, mà nó cũng có nghĩa là {...}, tuồng ảo hóa. Chữ Maya có nhiều nghĩa như vậy đó. Sở dĩ bà Maha Maya có tên đó là vì nhan sắc của bà thiên kiều bá mị, lung linh lấp lánh, người mà đẹp như tranh, người mà đẹp như tiên, nhìn nửa hư nửa thực, đẹp đến mức khó ngờ. Giống như Việt Nam mình bây giờ có câu: trời, nó đẹp như đồ nhân tạo vậy đó, đẹp giống như đi thăm mỹ vậy đó. Trường hợp chữ Maya có nghĩa là bà đẹp không có lường được, người mà đẹp như tranh, người mà đẹp như tiên vậy.

Thì chữ Maya có nhiều nghĩa, negative và positive là chỗ mình hiểu. Thì ông nghe Tôn giảng nói ba thần thông: loại một là biến hóa thần thông {}, tới loại thứ hai là {}, có nghĩa là tha tâm thông, có nghĩa là với thần thông này mình có thể biết được suy nghĩ của người khác. Ông nói:

“Đối với con, loại thần thông này cũng là huyền hóa.”

Vì sao? Vì có một loại bùa gọi là bùa {}. Loại bùa này khi mình học nó rồi, mình nhìn người đối diện, mình biết được người ta đang suy nghĩ cái gì. Và ông nói là đem so ra thì cái thần thông tha tâm thông so với loại bùa này nó cũng có cái giống nhau, cho nên đối với con, con cũng không nể. Nhưng cái con quý nhất là cái loại thần thông mà Thế Tôn vừa nói đó, nó là loại thứ ba, là {}, có nghĩa là giáo hóa thần thông. Có nghĩa là một người đã biết qua Phật pháp rồi thì có khả năng trao truyền giáo pháp ấy cho người khác. Ông nói cái này mới đúng là thần thông diệu dụng của Phật pháp.

Bởi vì một người có học đạo, hiểu đạo và hành đạo, đem chia sẻ cái thành quả, cái sở chứng sở đắc của mình cho người khác, giúp cho họ an lạc hơn. Chứ còn bây giờ mình có thần thông, mình biến hiện tùm lum, nhưng mình có giúp được cho ai hay không? Mình biết tâm người khác, liệu mình có giúp được cho ai hay không? Mà cái quan trọng nhất là mình hướng dẫn tâm linh cho người khác. Bên đạo Chúa gọi là lên hướng đó, là hướng dẫn tinh thần cho người khác. Thì ông nói cái này mới được lợi lạc.

Có một vị thiền sư có ý kiến mà tôi rất là thích. Có người đến hỏi:

“Vậy chứ quý thầy tu hành, hành giả, thiền sư, thiền sinh, rồi thiền viện mọc ra như nấm, người tu thì đông như quân Nguyên, sao không thấy ai có thần thông biến hiện, đi mây về gió, đi trên lửa, đi trên nước cho người ta thấy, rồi đi xuyên tường xuyên vách, tàng hình? Chứ tu gì đâu mà cứ đi chậm chạp, cà rề cà rề, mắt cứ lim dim lơ lơ, có gì đâu mà hay. Tu phải có phép màu.”

Vị thiền sư này mới trả lời như thế này:

“Ông nghĩ kỹ lại đi, đi trên nước ông giúp được ai, ông đi trên lửa ông giúp được ai, xuyên tường xuyên vách,”

Tàng hình, bay nhảy, đi mây về gió, ông giúp được ai? Cái phép màu của đạo Phật, của pháp môn Tứ niệm xứ, chính là ông đi bằng chánh niệm, bằng trí tuệ, bằng từ tâm; ông ngồi bằng chánh niệm, bằng trí tuệ, bằng từ tâm.

Tôi hỏi ông nghe, cái nào có lợi cho mình, có lợi cho người hơn? Bây giờ tôi nói ông ngồi kể cái người có thể đi xuyên vách, xuyên tường mà thiếu tâm từ, thiếu trí tuệ, thiếu chánh niệm, thì ông được gì? Trong khi đó, nếu ông ở gần cái người có tâm từ, có trí tuệ, có chánh niệm thì ông thấy làm sao? Ông thấy cái nào có lợi hơn? Ông thích ở gần người nào hơn? Và người nào giúp cho ông nhiều hơn?

Đây mới chính là phép màu của đạo Phật nè cha, nhớ chưa!

Thì đây cũng vậy. Khi đức Thế Tôn trình bày ba cái loại thần thông, Ngài nói cái loại thứ nhất là biến hóa tùm lum, loại thứ hai là hiểu được tâm người. Thì ông nói: “Hai cái loại này, chính con là người không có gì hết, con cũng thấy không có gì ghê gớm. Nhưng cái loại thứ ba con mới quý nè: là bản thân có đạo nghiệp, có thành tựu, có sở đắc, có sở chứng, và chia sẻ cái thành tựu, chia sẻ cái sở đắc, sở chứng ấy cho người khác, giúp người ta sống tốt hơn; dạy người ta, hướng dẫn người ta nên làm vậy, đừng làm vậy; nên suy nghĩ vậy, đừng suy nghĩ vậy; nên nói vậy, đừng có nên nói như vậy. Nói chung, hướng dẫn cho người ta có đời sống tam nghiệp trang nghiêm và thanh tịnh. Như vậy, đối với con đây mới là cái thứ thần thông mà được tự lợi và lợi tha.”

Các vị có nghe không?

Tha tâm thông

Và sẵn ở đây chú giải có nói luôn tha tâm thông là, đối với người không có thần thông, người ta có nhiều cách để hiểu tâm tư người khác.

Một là họ nhìn cái biểu hiện ở người khác, những biểu hiện, nhìn cách đi, cách đứng, cách ăn, cách nói, sắc diện biểu lộ. Dựa vào các biểu lộ bên ngoài của người ta mà

đoán được ý người ta.

Cách thứ hai là nghe câu nói của người ta là hiểu được ý người ta.

Cách thứ ba là do mình suy diễn, mình hiểu được ý người ta.

Và cái thứ tư là mình đắc chứng thiền định, thần thông, mình muốn biết tâm người ta. Cái này nói ra hơi kỳ, nhưng kinh nói thì tôi nói, chứ bắt tôi giải thích thì làm sao được.

Trong kinh nói muốn hiểu được lòng người ta thì bản thân người đó phải có kiến, ngã. Ghi cái này rồi.

Trong kinh nói muốn thấy tâm người ta thì phải có thiên nhãn. Có thiên nhãn, vị đó mới nhìn thấu được cái cơ thể của người đó. Hễ tâm sân thì cơ thể người đó biểu hiện như thế nào, và tâm tham, thì vị đó vui, vị đó buồn, thì vị đó trong người như thế nào.

Hôm nay ai đó có học về cái gọi là biology, mà nó kêu là modern, gọi là sinh học hiện đại, người ta có nhìn nhận cái này. Người ta nhìn nhận rằng ở mỗi người, người ta có cái từ trường, có lượng điện đã đành, còn có cái bioplasma. Khoa học họ nhìn nhận mỗi người có cái này. Khi mà anh nổi giận, khi anh sợ hãi, khi mà anh vui, khi mà anh thích. Nói chung, hỉ, nộ, ái, ố, thì mỗi lần anh có cái tâm trạng, cái cảm xúc gì đó, thì tự thân anh nó tỏa ra một vầng loại ánh sáng riêng. Có lúc thì nó trong sáng rực rỡ, có lúc thì nó màu đục, có lúc nó màu đỏ rực, có lúc nó màu xanh xám v.v.

Thì người ta nhìn nhận rằng nó có cái đó. Và ở một cái người có thiện tâm, có nguồn đạo hạnh ghê gớm, có một khả năng hàm dưỡng kinh hoàng, thì dĩ nhiên là cái bioplasma nó sẽ đẹp hơn, nó sẽ mạnh hơn, mà trong đạo Phật gọi nó là, tiếng Phạn nó là hào quang, chỉ vậy thôi.

Quý vị nào muốn có cái tha tâm thông là trước hết vị đó phải có thiên nhãn. Vị đó có thể nhìn thấy về cái thay đổi sinh học ở người đối diện. Rồi bên cạnh đó, vị đó hiểu

luôn: là nhìn bằng mắt, nhìn bằng thiên nhãn, và lúc đó hiểu bằng trí, hiểu luôn là trong cái cơ thể này, với cái biểu hiện này của cơ thể, người này đang nghĩ cái gì.

Cho nên muốn có tha tâm thông, trong chú giải nói phải có thiên nhãn rồi mới có tha tâm thông.

Ở đây nói thêm, loài người thôi nghe. Còn người khuất mày khuất mặt, thí dụ như là A-tu-la, ngạ quỷ, dạ-xoa, hay là chư thiên, Phạm thiên, thì cấu trúc sinh học của họ không giống mình, cho nên họ không cần bắt buộc phải có thiên nhãn. Mặc dù là những loài đó đều có thiên nhãn, nhưng nó không được kể là luật, bởi vì đó là chuyện đương nhiên. Và cái khả năng nhìn thấy của họ nó cũng là thiên nhãn, nếu thích thì gọi.

Nhưng thiên nhãn nó có hai loại: thiên nhãn do cái nghiệp tạo, nghĩa là mình sanh trong cái loài đó, tự nhiên mình có cái khả năng đó; còn cái loại thứ hai, có nghĩa là cái thiên nhãn này do tu tập thiền định mới có. Ở đây đang nói cái thiên nhãn do tu tập thiền định, nhớ nha.

Trong chú giải nói thêm, cái người tầng này không có thấy, không có hiểu được tầng kia. Thí dụ như về vật chất, thì chúng sanh ở cõi thấp không thấy được chúng sanh cõi cao. Đó là nói về vật chất. Thí dụ như nhân loại không nhìn thấy được chư thiên, mà chư thiên Tứ Thiên Vương họ không nhìn thấy được chư thiên cõi Đao Lợi, trừ khi chư thiên cõi Đao Lợi cố ý hóa hiện thô tướng cho thấy. Chư thiên Đao Lợi không thấy được chư thiên Dạ Ma, mà Dạ Ma không nhìn thấy chư thiên cõi Đâu Suất, rồi Đâu Suất không thấy được cõi Hóa Lạc, cõi Hóa Lạc không thấy được cõi Tha Hóa Tự Tại, mà cõi Tha Hóa Tự Tại không thấy được cõi Phạm Thiên. Mà cõi Phạm Thiên cõi thấp thì không thấy được Phạm Thiên cõi cao, trừ khi người cõi cao muốn cho người cõi thấp nhìn thấy. Đó là nói về vật chất.

Còn nói về tâm, thì người cõi Dục chỉ hiểu về tâm của người cõi Dục. Cho nên tầng thiền nào hiểu được tầng thiền đó, rồi tầng thánh nào hiểu được tâm của tầng thánh

đó. Mà cái này phải nói rõ: tại sao Phạm thiên... Trong đây người ta nói rất rõ, hiểu là hiểu cái gì và không hiểu là không hiểu cái gì.

Khi nào Thế Tôn suy nghĩ về thiên định, về đạo quả mà bằng cái trình độ của Ngài, thì lúc đó quý vị A-na-hàm không hiểu, bởi vì Ngài là A-la-hán.

Thứ hai, những vị A-la-hán Thanh văn thì chỉ hiểu được một phần chứ không hiểu hết, vì trình độ Thanh văn không hiểu như bậc Chánh Đăng Chánh Giác.

Chứ còn những suy nghĩ không liên hệ đến đặc điểm của mỗi tầng thì người khác biết được. Thí dụ như Thế Tôn Ngài đang ngồi, Ngài suy nghĩ: “Bây giờ ta đi đâu đó để gặp ai đó.” Lúc bấy giờ chư thiên biết. Tại sao? Vì suy nghĩ này nó không nằm trong cảnh giới của chư Phật, nói theo ngôn ngữ bây giờ là

Nó không nằm trong chuyên môn của Ngài thì ai cũng hiểu. Thí dụ mình nói bác sĩ, khi mà ông nói chuyện thuộc về trình độ bác sĩ thì những người không có trình độ thuộc bác sĩ sẽ không hiểu. Nhưng mà nếu bác sĩ nói chuyện bình thường thì một thằng thất học nó nghe nó hiểu chứ. Thí dụ như ông nói là: “Bữa nay ở lại ăn cơm nha. Bữa nay ở đây có nấu canh chua, ở đây bữa nay có trái cây ngon ở Việt Nam mới đem qua.” Những câu nói đó, những đề tài đó thì thất học nghe cũng hiểu.

Nhưng mà bắt đầu ông nói hơi sâu về ba cái vụ bệnh hoạn, thuốc men, giải phẫu, bằng những thuật ngữ bằng tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp gì đó thì thằng dốt chỉ có chết thôi.

Chỗ này cũng vậy, một vị A-na-hàm có suy nghĩ gì đi nữa thì vị Tư-đà-hàm có thần thông vẫn biết được, với điều kiện những suy nghĩ ấy nó không thuộc về những cảnh giới đặc chứng của vị A-na-hàm. Ví dụ như vị đó không suy nghĩ về cái thiên định của bậc A-na-hàm, không nghĩ về cái quả vị đạo của A-na-hàm thì người khác có thần thông vẫn hiểu được, bình thường thôi. Chuyện đó rất là bình thường. Khi mà vị A-na-hàm suy nghĩ về sở chứng, sở đắc của mình thì tầng thấp chỉ có chết thôi, chứ không có thể nào hiểu được.

Như vậy tinh thần Phật pháp là gì? Tinh thần Phật pháp là nhằm đến cứu cánh giải thoát. Cái gì mà không có nội dung hướng đến giải thoát thì cái đó nó không được Thế Tôn đề cao.

Cho nên Ngài kể ra cho ông nghe ba cái nội dung, ba cái thần thông. Cái thứ thần thông thứ nhất có khả năng biến hiện từ từ, thì nó có hai lý do không được Đức Phật tán thán. Một là cái loại thần thông này không giúp được gì cho việc tu hành giải thoát. Thứ hai là có những thứ bùa chú mà có thực hiện nhiều thứ tương đương với thần thông này. Thứ ba, ở trong Luật tạng có ghi một câu rất là nặng, đó là Đức Phật dạy rằng một Tỷ-kheo mà cố ý khoe thần thông của mình giống như là đàn bà vén váy lên cho người ta nhìn vào chỗ kín của mình vậy đó. Khủng khiếp như vậy.

Các vị nghĩ còn có gì bậy cho bằng một người đàn bà ăn mặc hở hang, chứ đừng nói là đem đi khoe. Một người có thần thông mà muốn cho người khác biết mình có thần thông thì cũng hết như một người phụ nữ mà khoe cái thân xác, cái chỗ kín đáo của mình vậy đó.

Cho nên nếu mà mình không có đọc trong kinh thì mình sẽ có những chỗ mình không hiểu. Tại sao mà các vị A-la-hán có thần thông, muốn gì có nấy mà tại sao phải đi bộ, rồi chịu nắng, chịu gió mưa sương, rồi bị chúng chửi, rồi bữa đói bữa no, chỗ ở thì thôi đột chỗ này, lưng chỗ kia, gió lùa chỗ nọ. Tại sao người ta có thần thông, chỉ cần búng tay một cái là có cung vàng điện ngọc ở cho nó sướng, mắc gì mà phải ở với cái đám phàm phu tào lao phàm phu này? Người ta bay về núi cao thanh vắng, sạch sẽ, trong lành.

Các vị có từng tới các vùng núi tuyết chưa? Các vị vô trong đó nó vắng vẻ mà không khí trong lành cực kỳ, hít thở no phổi, hoàn toàn yên tâm, mát lạnh thơm ngát. Nếu tôi có thần thông tôi về đó ở, chứ mắc gì phải ở ngoài làng ngoài phố, hít ba cái khói cái bụi rồi nghe dân chúng thị phi rửa xả, mắng chửi nhau. Nếu mình thì chắc là không như vậy.

Trong kinh có câu: Phật giữ Phật tri, Thánh giữ Thánh tri, nghĩa là chỉ có Phật với Phật mới hiểu nhau, chỉ có Thánh với Thánh mới hiểu nhau.

Trong kinh kể có một đêm tối trời mưa tầm tã, Ngài Ca-diếp từ ở phương xa về hầu Phật mà mình mảy ướt nhem à. Thì Đức Phật hỏi vì sao mà Ca-diếp lại ướt đầm như vậy? Ngài nói: “Tại lúc nãy mưa dữ lắm, con phải lội qua một dòng sông mưa trong đêm, đã sông mưa mà còn ban đêm nữa.”

Đức Phật mới nói từ nay về sau, Ta cho phép một năm như vậy Tỷ-kheo được quyền đi đứng gọn nhẹ trong ba tháng. Tức là Tỷ-kheo lúc nào cũng có đủ tam y: y nội, y vai trái và y tăng-già-lê. Nhưng sau đó mùa an cư thì Tỷ-kheo được quyền, xin lỗi, trong vòng 5 tháng được quyền không có mang đủ tam y, chứ còn đi đứng phải cụp bị theo nó nặng nề quá.

Mình đọc cái đó bằng não trạng của một người phàm phu thì thấy kỳ: sao lục thông tam minh, bốn trí vô ngại để ở đâu, để bây giờ ban đêm ban hôm mà y bát lùm xùm, mà phải lội qua một dòng sông mưa, phiền quá. Nhưng mà trong tâm trạng của một vị A-la-hán thì các Ngài khô ướt có khác gì đâu. Và thứ hai nữa, các Ngài không thiết tha cái chuyện phải xài cái đó. Khi nào chuyện bất đắc dĩ, vạn bất đắc dĩ thì mới phải xài nó thôi, mặc dù đối với các Ngài chuyện sử dụng thần thông nó dễ ợt à.

Nhưng mà một người không còn tâm tham nữa, không còn thiết tha cái vấn đề tiện nghi nữa thì họ không còn bận tâm mấy cái chuyện khó hay dễ, nhanh hay chậm, họ không màng nữa.

Thí dụ như mình nhà nghèo, mình có được tí tài sản mình thích lắm. Mình thích khoe cái đồng hồ, thích khoe đôi giày, mắt kiếng, dây nịt, bóp đầm, xách tay, quần này áo nọ v.v. Nhưng mà cái thứ giàu tới đỉnh rồi, quý vị biết không? Nản lắm, nhiều lắm là họ không muốn động tay động chân. Họ nuôi kẻ ăn người ở. Có gì thì: “Lan à, lấy cái đó cho bà nghe con.” Rồi khi nào muốn đi đâu thì: “Chú Hùng ơi, ra coi cái xe đưa bà đi chút nghe cậu.” Rồi xong.

Chứ còn người phàm mình mua chiếc xe về rồi thì kỳ cọ chùi rửa bóng loáng, rồi ra vô nhìn ngắm. Tối nằm ngủ nghe tiếng này tiếng kia sợ người ta ăn cắp xe, sợ người ta cạy, sợ người ta gỡ. Nói chung cả đời mình nhà nghèo mới có được cái gì thì cắt ca cắt cùm, rồi chăm sóc, rồi bận tâm, rồi quý cái này trọng cái nọ. Còn cái thứ mà nhà giàu, mà giàu lên tới đỉnh rồi, họ chỉ muốn yên thân họ thôi.

Quý vị biết không, lên ăn, họ ăn vừa miệng họ ăn, không vừa miệng họ nói người đầu bếp đổi món khác cho bà đi, rồi họ đi vô họ nghỉ. Không hề cần biết phải mua cái gì, nấu ra làm sao, vì họ yên tâm chắc rằng mọi sự sẽ suôn sẻ, bởi vì họ là nhà giàu.

Cũng vậy, một bậc hiền thánh dù có đắc tới gì đi nữa thì cái lòng của các Ngài nó đã buông xuôi hết rồi, thấy mệt quá.

Phật dạy một miếng phân người, dù là một đồng lớn hay một miếng dính trên cái tăm xĩa răng thì muôn thuở nó cũng là phân người. Một đồng phân lớn thì nó gồm theo cái đồng phân lớn, mà một miếng nó dính trên đầu cây tăm thì nó cũng đáng gồm theo kiểu đầu cây tăm. Có nghĩa là phân người thì lớn bé đều đáng gồm. Chỉ cần có mặt trong đời này thôi thì một giây nó cũng đáng gồm như là một trăm năm, nó đáng gồm như một trăm năm, một

Triệu năm nó cũng đáng gồm như một triệu năm, có nghĩa là một triệu năm có mặt trên đời này nó cũng đáng chán như một giây, một giây phút có mặt trên đời này. Ngài nói rằng: Ta không có lý do gì tán thán, kêu gọi cái sự tiếp tục có mặt trên cõi đời này hết.

Thử hỏi một người mà sống trong cái tâm trạng như vậy đó thì còn thiết tha gì nữa trong ba cái sự thần thông biến hiện? Như vậy rốt cuộc cái nội dung, cái tinh hoa rốt ráo của đạo Phật là gì? Chính là giải thoát, buông hết đó.

Phật từng có câu nói này: “Này các Tỷ-kheo, trong bao năm hoằng đạo, ta chỉ nói có hai điều thôi, đó là ta xác định vạn hữu là khổ và ta đưa ra con đường thoát khổ, chỉ

vậy thôi. Ta không nói đến chuyện thứ ba.” Đây là nội dung bài kinh mà chúng ta vừa học.

Bây giờ bà con, tôi xin bài mới. À quên nữa, cái bài kinh nó được kết thúc như thế này. Khi mà Thế Tôn nói về ba cái loại thần thông thì ông Bà-la-môn có hỏi một câu như thế này:

“Con nghe ba loại đó là con mê rồi, con quý trọng rồi đó, nhưng mà con xin hỏi trong đệ tử Thế Tôn là có bao nhiêu vị có đầy đủ ba khả năng thần thông Ngài vừa nói, có nghĩa là biến hóa thông, tha tâm thông, rồi có khả năng giáo hóa thông, có nghĩa là dạy người cũng được giải thoát như mình?”

Thế Tôn nói:

“Nhiều lắm, hằng trăm, hàng ngàn vị.”

Ông hỏi:

“Ở đây có không?”

Thế Tôn nói:

“Có, ngay trong hội chúng này, trước mặt ta đã có những vị đó.”

Quý vị hoan hỷ, ngay trong hội chúng, chung quanh Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn lúc đó là đã có rồi. Bây giờ ông nghe, ông thích quá, xin Thế Tôn cho ông quy y.

Phẩm thứ hai, bài tiếp theo là bài Sở Y Xứ.

Ở đây cái bài kinh tiếp theo nó quan trọng không thể nào tả xiết được. Bài kinh này giảng xong là tôi nghỉ được. Bài kinh này nó sâu lắm, sâu tới mức tôi muốn đời qua ngày mai luôn. Bài kinh này rất là sâu, bài kinh này sâu dữ lắm.

Và nếu bà con mà thích tụng kinh mỗi ngày, bà con cứ đọc cái bài kinh này thôi. Thay vì mà cầu oai lực Tam Bảo, chư thiên hộ trì cho con v.v... thì thôi dẹp đi nha.

Các vị đọc giúp tôi cái bài kinh này là coi như... Đọc chỗ nào không hiểu thì làm ơn đi hỏi giúp nha, là các vị trở thành Phật tử thứ thiệt. Bài kinh này thôi.

Mà nó khổ ở chỗ là Phật tử Việt Nam mình lại sợ kinh căn cho nên không dám cầm kinh, cứ là vô chùa tăng ni ban cho cái gì thì là đội về thờ, có bao nhiêu đó thôi, làm chuột bạch. Chứ cái này quý vị tự nghiên cứu nó sướng như tiên mà không có chịu.

Đây, bài kinh đó nó sâu chỗ này.

Ở đây Ngài cho mình biết rằng trên đời này có ba quan điểm sau đây, và vô lượng vũ trụ, và tất cả chúng sanh trong vô lượng vũ trụ ấy, nó cứ quần quanh trong ba cái quan điểm này.

Một cái hạng thứ nhất cho rằng đời này tất cả đau khổ, hạnh phúc trên đời này nó đều là do nghiệp quá khứ mà có. Cái giống gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ. Tôi biết rất là nhiều người biết đạo nói chuyện như vậy. Họ làm vậy mà họ nói là:

“Thôi kệ, cái nghiệp con, không biết con nghĩ làm sao mà hôm bữa con làm như vậy nữa. Thôi kệ, cái nghiệp!”

Họ nói mình nghe mình nổi điên luôn. Họ làm cái chuyện gì họ cũng đổ cho cái nghiệp, rồi họ bị cái gì cũng đổ cho nghiệp. Ăn uống tầm bậy rồi bị cao mỡ, cao đường, dư đường, dư cholesterol mà họ cũng đổ thừa:

“Tại cái nghiệp con chịu vậy thôi.”

Tôi hỏi:

“Nghiệp gì kỳ vậy?”

Họ nói là:

“Tại vì cái nghiệp nó khiến cho con phải có hoàn cảnh như thế này thế kia, rồi ăn uống thất thường, bạ đâu ăn đó nên con bị bệnh.”

Họ nói có lý, nhưng mình ngồi ngẫm lại, cái đó mình né được hay không? Cái giống gì mà mở miệng ra cũng do nghiệp quá khứ.

Trong đây Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, nếu mà cái gì mình cũng đổ cho nghiệp quá khứ mà mình không kể cái nghiệp hiện tại, như vậy các người tu hành làm cái gì? Cứ ngồi yên đó chờ nghiệp quá khứ, cần gì tu.”

Đó là điều vô lý thứ nhất.

Cái vô lý thứ hai: nghiệp quá khứ là gì? Dạ kính thưa, nghiệp quá khứ chính là nghiệp hiện tại đã qua, phải vậy không? Nếu ngay bây giờ mà tôi không tu thì ngày mai tôi sẽ có một cái nghiệp quá khứ không tu, có đúng như vậy không?

Nó khổ cái là nói không biết người ta có hiểu không, giống như nói pháp trong nghĩa trang, khổ quá khổ!

Tôi nhắc lại, Ngài dạy rằng nếu như cái gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ thì nó có hai cái bậy.

Cái bậy thứ nhất là mình tu hành làm cái gì, mình ngồi yên chờ nó tới đi, cái gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ.

Thứ hai, làm gì có nghiệp quá khứ nếu không có nghiệp hiện tại? Cho nên bây giờ tôi không có làm cái gì hết, tôi cứ ngồi chờ cho cái nghiệp quá khứ nó trở. Kiếp quá khứ tôi cũng vậy, quá khứ tôi không có tu hành, tôi cứ ngồi chờ cho cái quá khứ trước nữa nó trở.

Thì quý vị nghĩ coi, quý vị hình dung cái con người của tôi? Bây giờ ở đây mà 10 giờ 12 phút ở Virginia, ví dụ, tôi không làm cái gì hết, tôi cứ ngồi chờ sung nó rụng. Tôi không có giới, không có định, không có tuệ, không có tín, tấn, niệm, định, tuệ, không có tín, thí, giới, văn, tàm, úy, thí. Tôi không có một cái thiện pháp, tôi không có một cái tu trì, không có một hàm dưỡng, không có một nỗ lực, không có một cái tinh tấn gì hết đó. Tôi ngồi tôi chờ nghiệp quá khứ.

Thì tôi hỏi quý vị: ngày mai, ngày mốt, rồi kiếp sau, tôi có cái gì để tôi hưởng đây? Tại vì ngay bây giờ tôi đang ngồi tôi chờ nghiệp quá khứ mà.

Như vậy khi mình nghĩ mọi thứ đều do nghiệp quá khứ là mình mắc vào hai cái bẫy.

Cái bẫy thứ nhất là đẹp luôn khỏi tu hành gì, cứ ngồi chờ thôi, rồi cái gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ.

Thứ hai, mình quên một chuyện vô cùng quan trọng: nghiệp quá khứ thực ra nó chính là nghiệp tại đã qua. Cho nên mà đổ cho quá khứ mà quên cái hiện tại là không được. Nhớ cái đó rất là quan trọng.

Thậm chí người ta còn nói cái này: “Tương lai đã đi vào quá khứ của ta từ rất lâu rồi.” Chứ mình đừng nghĩ tương lai là cái mà mai mốt mới tính. Sai! Tương lai là cái đi vào quá khứ rất lâu.

Ví dụ như mười năm trước, tôi nghiện ngập, chích hút, say sưa chè chén. Đó là quá khứ, đúng không? Cho nên tháng sau này tôi đi xét nghiệm, bác sĩ nói tôi bị ung thư gan, ung thư phổi.

Như vậy cái chuyện tháng sau tôi bị ung thư là chuyện tương lai không? Đúng. Nhưng mà vì mười năm trước tôi đã là có một nếp sống unhealthy, không có lành mạnh, cho nên tháng sau này nè tôi bị bệnh.

Thì đúng cái câu người ta nói: tương lai thực ra nó đã đi vào quá khứ rất lâu rồi là như vậy.

Đó là cách nói. Nhưng mà nói cho rõ ráo, gọn gàng thì thực ra quá khứ và tương lai nó ngay chóc bây giờ nè. Nếu bây giờ mà tôi ngon lành, tu tập ngon lành, thì ngày mai tôi sẽ có một quá khứ ngon lành, ngày mai tôi sẽ có một hiện tại ngon lành.

Nếu bữa nay là ngày thứ Tư nè, mà tôi tu tập ngon lành, thì ngày mai tôi vừa có được một cái hiện tại ngon lành, mà tôi vừa có một quá khứ ngon lành. Là vì sao? Vì ngày

mai là ngày thứ Năm, mình đã có một ngày thứ Tư ngon lành như vậy. Ngày thứ Tư có phải là quá khứ không? Và đồng thời ngày mai tôi cũng ngon lành là vì cái quả lành của hôm nay, cái nhân lành của hôm nay nó sẽ giúp cho tôi ngày mai, thí dụ vậy, hoặc là kiếp sau như vậy.

Cho nên vấn đề của đạo Phật: nếu ngay bây giờ, mỗi giây phút hiện tại mà mình không có vui thì cả đời quý vị sẽ vui lúc nào? Nếu ngay giây phút hiện tại, nếu ta không sống thiện thì xin hỏi quý vị sống thiện vào lúc nào?

Cho nên Ngài nói, trong vô lượng vũ trụ và hết thảy chúng sanh, suy nghĩ, nhận thức về cuộc đời nó có ba đường thôi.

Một là cho cái gì cũng do tiền nghiệp quá khứ. Ở đây là một cái thứ hiểu lầm đáng tiếc.

Cái hiểu lầm thứ hai, Ngài nói là có những kẻ cho rằng mọi thứ đau khổ và hạnh phúc là do một cái đấng tối tôn nào đó tạo ra. Ngài nói đây là một cái sai nữa. Là bởi vì, này các Tỳ-kheo, nếu mà có một đấng chí tôn nào đó sáng tạo muôn loài thì ta nói rằng ông đó ổng cực kỳ tàn nhẫn. Ổng đã tạo ra một thế giới đầy bất toàn, bất trắc và bất toại. Ổng tạo ra một thế giới vui ít, khổ nhiều. Ông đó quá ác, quá sức ác và quá ngu xuẩn, vừa ngu vừa ác. Tạo ra chỉ một cái thế giới mà vui ít, buồn nhiều, một cái thế giới bất toàn, bất trắc và bất toại. Cho nên nói là mọi thứ do một đấng chí tôn nào đó tạo ra lại là một suy nghĩ không nên có.

Cái suy nghĩ thứ ba, bậy nhất, cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có, không có do một cái luật nhân quả nào can thiệp hết. Nghĩa là mọi thứ nó ngẫu nhiên mà có. Đám mà thành kiến nặng nó cho là mọi thứ ngẫu nhiên mà có và chết rồi là hết.

Ngài nói cho mình biết đây là ba cái nhận thức sai bét, mình phải xét lại.

Tại sao mà tôi nói bài kinh này sâu? Là vì ngoài cái đoạn này ra, nó còn khúc dưới lạnh xương sống nữa. Nhưng mà ở đây mình nói đoạn này trước đi.

Đa phần Phật tử mình nghe ba mớ về nghiệp báo, nghe ba mớ về lý nhân quả cũng khoái cái vụ này lắm, khoái cái vụ cái giống gì cũng đổ cho nghiệp. Tôi quay lại tôi nói, Phật tử không đến nỗi mà tin vào đấng chí tôn, không đến nỗi tệ mà cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên. Nhưng mà khổ một chỗ, Phật tử mình hiểu về nghiệp lý có vấn đề: cái giống gì cũng đổ cho nghiệp.

Trong khi bà con làm ơn ngó lại đời sống hiện tại, về tinh thần, về vật chất, bà con sống có chuẩn chưa? Thực chất ăn uống có hợp lý chưa? Sinh hoạt, giờ giấc, tư thế sinh hoạt có OK chưa?

Tôi nói ăn uống, thuốc men, giờ giấc, sinh hoạt, tư thế sinh hoạt nè: ngồi nhiều quá, đi nhiều quá, đứng nhiều quá, nằm nhiều quá cũng có vấn đề. Ăn nhiều quá một thứ, ăn quá ít một thứ cần thiết cũng là có vấn đề. Rồi nắng gió, mưa sương, tất cả những điều kiện thời tiết, khí hậu, trong những hoàn cảnh đó ta sống ra sao?

Giấc khuya 2 giờ nổi hứng ra ngoài gốc cây ngồi thiền, không bị bệnh mới lạ, rồi cứ đổ thừa cho nghiệp là sao? Qua lộ không nhìn ngó để xe nó tông chết ngã rồi đổ thừa cho nghiệp là sao? Cho nên các Phật tử phải nhớ cái đó.

Rồi có một trường hợp Phật tử nữa cũng rất là đáng trách, đó là tin tưởng chư thiên, tin tưởng vào oai lực Tam bảo một cách quá đáng. Cái gì cũng cầu nguyện. Các vị làm ơn nhớ cái câu này của Tây: “Lời cầu nguyện trong lúc nguy cấp không phải để thoát nạn, mà để ta có được sự bình tĩnh trong lúc lâm nạn.” Cầu nguyện trong lúc lâm nạn là để ta có được sự bình tĩnh, chứ đừng nghĩ ta cầu đó ta thoát nạn. Bởi vì mười lần cầu có được một lần thoát hay không? Nhưng mà cái cầu để mà được bình tĩnh thì cái đó mình thấy nó là possible.

Tôi đã nói nhiều lần, trong tất cả tình huống, người nào bình tĩnh thì cơ hội giải quyết vấn đề nó sẽ lớn hơn cái người thiếu bình tĩnh.

Sẵn nói về nghiệp tôi nói luôn. Ân đức Tam bảo là vô bờ, nhưng mà vô bờ đây có nghĩa là đức Phật, ân đức của Ngài đúng là vô bờ, vô lượng vô biên, đúng. Nhưng

không có nghĩa là mình gặp nạn mình cầu Ngài. Vì nếu mà Ngài có thể phù hộ cho mình, thì Ngài không phù hộ cho dòng họ Thích-ca không bị tàn sát? Tại sao Ngài không phù hộ cho Ngài Mục-kiền-liên đừng bị cướp giết? Tại sao Ngài không phù hộ cho bà Uppalavannā, đệ nhất thần thông bên Ni, đừng bị người ta cưỡng hiếp? Tại sao Ngài không phù hộ đi? Biết bao nhiêu chúng sanh thời đức Phật bị nạn, sao Ngài không phù hộ?

Cho nên mình cứ cảm đầu mình cầu Tam bảo mà mình quên một cái chuyện là bao nhiêu người thời đức Phật, trước mặt Ngài dĩ nhiên không có chuyện gì rồi đó, nhưng mà khuất mặt Ngài thì biết bao nhiêu là tai họa.

Trong kinh có nói như thế này, đức Thế Tôn có nói thế này: đức Thế Tôn, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, có cái đặc biệt là trước mặt Ngài thì không có một cái đại họa nào xảy ra hết, không có ai bị nạn trước mặt Ngài. Cái đó có. Bản thân Ngài gặp nạn thì được, nhưng mà trong mắt Ngài, không có ai hại ai trong mắt của Ngài. Trong cái nhục nhãn đó. Thiên nhãn của Ngài không có giới hạn thì không có nói nha, nhưng trong cái nhục nhãn của Ngài không có chuyện xấu xảy ra được. Kinh ghi rõ vậy và tôi cũng tin chuyện đó. Ngài phước nhiều lắm. Cho nên thôi, chuyện đó khi khác mình nói.

Đang nói là Ngài không có chuyện phù hộ cho ai hết. Mỗi người phải nhờ vào cái phước của mình. Nếu quý vị nói Ngài có thể phù hộ, thì biết bao nhiêu người khổ, bản thân Ngài và vô lượng chư Phật quá khứ không phù hộ cho người ta đi mà để cho chúng sanh nó khổ đau trùng trùng. Vậy là sao?

Cho nên đối với Tam bảo mình phải hiểu: oai lực Tam bảo là pháp hộ trì người hành pháp. Có nghĩa là Phật dạy đạo cho mình, mình hành theo lời dạy của Phật thì mình được sự hộ trì. Hộ trì ở đây là gì? Một là có thể nhãn tiền mình được cái gì đó, còn hai là khi mình nhắm mắt xuôi tay, mình ra đi trong sự thanh thản, và chết rồi mình cũng được về cõi lành. Đó gọi là pháp hộ trì người hành pháp. Và chư Phật ba đời mười phương chỉ dạy đạo cho mình, và mình phải đi bằng đôi chân.

của mình, mình phải tự mình thấp đuốc mà đi. Các Ngài chỉ cho mình cái bản đồ thôi. Các Ngài cho mình bản đồ, còn mình có khuynh hướng đốt bản đồ thành tro, trộn với mật, vò viên mà nuốt. Cái đó là sai, sử dụng sai bản đồ. Bản đồ là phải banh nó ra, rọi đèn lên quan sát tọa độ, định vị, rồi theo đó mà đi. Đó là biết cách xài bản đồ.

Còn cái kiểu mình bây giờ là đốt bản đồ, trộn với mật, vò viên mà nuốt, cái đó là sai. Cho nên ở đây, người Phật tử hiểu nghĩa lý phải hiểu cho nó tới nơi: không ai hại mình cho bằng cái ác nghiệp của mình, không ai hại mình bằng cái tâm ác của mình. Người mà tạo ác nghiệp rồi, đêm ngày ngủ trong cái sự ám ảnh của ác nghiệp.

Quý vị hỏi kinh nào nói? Dạ, kinh Hiền Ngu trong Trung Bộ. Làm ơn mở ra coi cái này nha. Trong kinh Pháp Cú nói: “Kẻ nào làm ác thì đời đời đi tái sanh, nghiệp ác xưa chờ đón như kẻ thù chờ sẵn”. Có nghĩa là ngày xưa mình làm ác nghiệp, đời đời mình đi đâu là cái nghiệp ác nó chờ, giống như kẻ thù nó chờ mình ra là nó phập mình thôi.

Còn cái kẻ làm được các công đức, đi tái sanh cõi này, cõi nọ, đời đời được phước lành nó chào đón như người thân chào đón người xa mới về. Nhớ hai câu này.

Một người tạo nhiều ác nghiệp, dù sanh ra cõi nào thì nghiệp ác nó chờ như kẻ thù chờ sẵn. Còn người tạo nhiều phước báo thì đi tái sanh cõi nào, phước lành chờ sẵn như người thân chờ đón kẻ xa mới về.

Lẽ ra là bắt đầu nó hưởng rồi. Sẽ có người trong Zoom hỏi tôi câu này, tôi hỏi giùm cho quý vị luôn. Các vị nói rằng tôi từng nói: người chưa biết đạo không phân biệt thiện ác, muốn làm thì làm. Hạng thứ hai, biết được đạo rồi, biết ba mớ thì lánh ác, hành thiện, mà mục đích trốn khổ tìm vui. Còn hạng thứ ba là chán khổ, chán vui, vì nhìn đâu cũng thấy khổ; khổ cũng chính là vui mà vui cũng chính là khổ. Hai đứa đó là một. Cho nên khổ vui là đều vô ngã, vô thường giống nhau, thì thiện ác cũng đều giống nhau ở điểm là nhân sanh tử.

Nhưng tại sao đến cái hạng thứ ba mình vẫn tiếp tục hành thiện lánh ác?

Bước một là mình thiện ác bất phân thì không nói, cái thứ đó tệ quá. Còn cái hạng thứ hai là lánh ác hành thiện, chỉ có mục đích là trốn khổ tìm vui. Cái hạng thứ ba lánh ác làm thiện y như hạng hai vậy đó, nhưng với mục đích là chấm dứt thiện ác, buồn vui, có nghĩa là không có sanh tử nữa.

Các vị nhớ chỗ này, chứ không quý vị nói: ông khi thì nói thiện nên làm, hồi thì nói thiện ác giống nhau. Xin nhớ nhe, giống nhau là giống cái gì? Giống nhau ở cái điểm là cả hai đều là nhân sanh tử. Còn cái điểm khác nhau là nhân ác nó đưa mình đi trong sanh tử trong điều kiện bất toại, bất toàn, bất đắc. Còn cái nhân thiện nó đưa mình đi luân hồi trong cái chỗ như ý.

Thằng Mỹ có câu hay lắm: “Tiền không thể mua lại hạnh phúc, nhưng mà tiền cho bạn khả năng lựa chọn kiểu đau khổ”. Thì phước báu cũng vậy. Phước báu chưa hẳn đem lại hạnh phúc cho mình, nhưng ít ra mình có phước, mình có quyền lựa chọn kiểu đau khổ.

Ví dụ bây giờ tôi phước báu nhiều, tôi qua Miến Điện tôi tu, tôi tu thiền. Người ta cho quý vị ăn cái gì thì ăn cái đó, cho cái phòng như thế nào thì chấp nhận cái phòng đó. Tôi ví dụ tôi là một đại gia thì khác. Tôi vô trong đó mà tôi thấy thức ăn dỏm quá, phòng dỏm quá, tôi bèn lên tôi nói thiệt với Ngài thiền sư:

“Bây giờ tình trạng của con không có kham nổi. Thì thôi, bây giờ con xin con ở ngoài, rồi mỗi sáng bảy giờ tới khóa thiền đại chúng, con mới xin phép con vô được không?”

Thì tôi nghĩ chắc thiền sư nào cũng gật đầu hết, tại vì cái chuyện hợp lý quá mà. Nó ở đâu kệ cha nó, bảy giờ nó vô thôi.

“Thỉnh thoảng con xin phép thiền sư, thay vì con uống nước chiều chung với đại chúng thì thôi, lúc đó có người nhà của con họ cho con loại nước khác, thì cho con lên ra ngoài con uống ngoài hè được không?”

Thì thiền sư cũng gật chữ tội gì cấm.

Như vậy quý vị thấy không, tôi cũng đi tu thiền, tôi cũng chánh niệm, nhưng mà tôi có phước cho nên tôi ở ngoài chứ không ở thiền viện. Tôi thuê một cái phòng to đùng, hoành tráng ở ngoài đó, có máy lạnh, có dặt theo cái bà đầu bếp người Việt Nam. Tui là người miền Trung thì bà nấu theo miền Trung. Tôi là người miền Nam thì bà nấu đồ miền Nam.

Sáng bà đi với tôi vô thiền viện, bà thấy tôi ngồi trong đó xong xuôi rồi, xong bà kiểm chỗ bà ngồi. Không, bà đi về nhà bà chuẩn bị cơm trưa. Tối giờ đại chúng ăn trưa ở thiền viện, tôi đi ra ngoài, tôi về cái villa của tôi, tôi ăn cơm trưa. Xong tôi trở vô tôi thiền với đại chúng. Tối chiều lúc đại chúng uống nước, tôi về cái villa tôi uống yến, uống sâm, được không? Quá được đi chứ.

Xong tôi ngồi thiền tiếp tới tối. Đại chúng trở vô cái phòng hôi rình, ẩm mốc, không điện, không quạt máy, không nước, không có nước nóng, không có nước tắm, xài vòi công cộng. Còn tôi trở về cái villa có nước nóng tôi tắm, có nước ngâm chân, có người xoa bóp.

Thì thay vì cái thiền viện người ta quán: khổ à, nực à, ngứa à, bụi à! Còn tôi thì tôi quán: sướng à, mát à, ấm à, êm à.

Các vị thấy chưa? Thì cũng là tu, nhưng tôi quán lạc còn họ quán khổ, quý vị nghĩ sao?

Cho nên đúng là mình phải hành thiện lánh ác, nhưng mà mình không giống cái người thiếu phước ở chỗ là người ta chỉ có một lựa chọn thôi, nghĩa là cảnh tới đâu thì tu tới đó. Còn mình có phước nhiều, mình có điều kiện hơn.

Như Ngài A Nan, Ngài Ca Diếp, Ngài Mục Kiền Liên, Ngài Xá Lợi Phất cũng tu cũng đắc, nhưng mà điều kiện người ta đắc làm sao? Nó êm ru à. Ngài Xá Lợi Phất tự nhiên đang đi trên đường cái, gặp Ngài A Sa Chí, Ngài phán có một câu cái đắc Tu-

đà-hoàn. Rồi tới hồi đi theo Phật được đâu có một tháng, là đang đứng hầu nghe thuyết pháp cho người ta, đứng nghe ké cái bèn đặc A-la-hán luôn. Không có cái vụ mà rừng sâu núi thẳm, rồi nắng gió mưa sương, rồi ma thiêng nước độc, lam sơn chướng khí.

Như vậy tiền không bảo đảm đem lại cho mình hạnh phúc 100%, nhưng ít ra đồng tiền nó giúp cho mình quyền lựa chọn kiểu đau khổ. Cái này thì chắc à. Thì công đức cũng y chang như vậy.

Trước đây ta hành thiện lánh ác là vì ta trốn khổ tìm vui. Còn bây giờ ta hành thiện lánh ác là để không có còn khổ, không còn vui nữa. Nó khác tí ti đó thôi. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi cái ngày đạo quả viên mãn, đạo nghiệp cáo thành, thì trong thời gian chờ đợi ấy

Ta cũng có những bước đường luân hồi tương đối nó êm ái. Cũng đi trên con đường ấy, nhưng mà kẻ có dép, có giày vẫn tốt hơn là đi chân không. Rồi đôi dép, đôi giày như ý thì cũng tốt hơn là mang đôi dép tổ ong, đôi dép nhựa. Đôi dép tổ ong nó bằng nhựa trắng trắng, nó có lỗ lỗ đó, nó vẫn hơn chứ. Cho nên nhớ cái này.

Rồi bây giờ qua cái vụ khác, cũng trong kinh này luôn. Sau khi Ngài nói về ba cái vụ nhận thức: thứ nhất, khổ vui ở đời đều do nghiệp quá khứ. Ngài nói cái đó hiểu vậy là sai, nó cũng có nhân xưa, nhân nay. Thứ hai, khổ vui ở đời do cái đấng trời ời nào đó tạo ra, cái này sai dữ dội nữa. Bởi vì nếu có cái đấng đó thì đấng đó ngu thiệt, vừa ác vừa ngu, đã tạo ra cái thế giới bất toàn. Thứ ba, cho rằng mọi thứ là ngẫu nhiên mà có, không nhân duyên gì hết, nhận thức ngu nhất. Bỏ qua.

Tiếp theo, Ngài mới giảng rằng giáo pháp của Ngài không cực đoan. Có nghĩa là khi mình cho rằng mọi thứ chỉ là do nghiệp quá khứ là cực đoan thứ nhất. Cực đoan thứ hai, mọi thứ là do cái đấng nào đó an bày, ban phúc, tha tội, thưởng phạt như ý của Ngài thì đây là cái cực đoan thứ hai. Mà cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có, đây là cực đoan thứ ba.

Ở đây Ngài nói: không, đạo của ta không có cực đoan như vậy. Và ta nói rất rõ rằng thế giới này nó không thuần vật chất, không chỉ thuần tâm linh, mà ta nói thế giới này nó gồm cả hai. Nếu thế giới này nó có A, có B, có sáng, có tối, thì ta không thể nào nhận định, đánh giá, nhận thức một chiều phiến diện được. Bởi vì cách nghĩ mọi thứ đều do nghiệp quá khứ là một cách nghĩ phiến diện; cho rằng cái thứ gì cũng được một cái đấng trời ời nào tạo ra là suy nghĩ phiến diện; mà cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có lại là một suy nghĩ vừa phiến diện vừa thiếu cơ sở.

Ngài nói rằng đạo của ta không có phiến diện, mà nhiều lần ta đã nói rằng vạn hữu ở đời này nó có từ sáu thành tố sau đây. Người mà hiểu được rằng mọi thứ ở đời đều có được từ sáu thành tố này, người nào hiểu được cái đó thì lập tức bỏ liền ba cái quan điểm cực đoan vừa nói.

Ba cái quan điểm cực đoan đó là gì? Một, cái gì cũng do nghiệp quá khứ. Thứ hai, cái gì cũng được cái đấng trời ời nào đó tạo ra. Ba, mọi thứ ngẫu nhiên mà có. Ngài nói không phải, cả ba đều sai. Muốn né được ba cái nhận thức sai lầm này thì con phải luôn luôn nhớ rằng mọi thứ ở đời do sáu cái nhân tố sau đây mà có. Khi mà con nhớ được, biết được sáu nhân đó là gì gì, thì con luôn luôn nhớ được điều đó, con không mắc vào các cực đoan kia.

Sáu nhân tố đó là đất, nước, lửa, gió là bốn; hư không là năm; và thức là sáu. Đây là sáu đại, gọi là lục đại đó. Thường là mình chỉ học lục đại vật chất chứ không có học lục đại pháp giới. Lục đại pháp giới là phải kể thêm hư không và thức.

Tại sao có hư không? Vì hư không chính là khoảng cách giữa bốn đại, chứ nếu mà không có cái hư không này thì làm sao có sự phân biệt giữa A và B, C và F. Cho nên ở đây mình phải nhớ bốn thành tố này tạo nên thế giới này và cấu tạo luôn cả chúng sanh.

Và dĩ nhiên có lúc các vị sẽ thấy rằng cái nhân tố tạo ra thế giới này có bốn, thì lúc khác Ngài sẽ giải khác. Bốn là nghiệp, là tâm, là điều kiện thiên nhiên, là điều kiện

dưỡng tố, đó là lúc khác Ngài sẽ nói cái đó. Nhưng ở đây Ngài lại nói sáu.

Sẵn đây tôi nói luôn, Phật tử mình hay nghe nói tứ đại là chỉ biết tứ đại vật chất thôi, là đất, nước, lửa, gió, chứ mình không biết lục đại pháp giới. Lục đại pháp giới là phải kể thêm đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Cái này gọi là lục đại pháp giới, còn cái kia gọi là tứ đại vật chất.

Giống như uẩn, Phật tử mình đa phần chỉ biết năm uẩn sắc thân thôi, có nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi là ngũ uẩn sắc thân. Còn ngũ uẩn pháp thân là gì? Là giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, gọi là ngũ uẩn pháp thân. Sẵn đây mình học luôn cho biết luôn, cái này tôi giải thích ngày hôm qua rồi.

Thì thôi, bây giờ mình đang trở lại lục đại pháp giới, có nghĩa là một người hiểu vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh được cấu tạo bởi sáu đại này. Chứ phải là khi mình hiểu mọi thứ do nghiệp mà có là mình đã quên rồi: sáu đại lận.

Thí dụ như mình bây giờ cứ nói cái gì cũng do nghiệp quá khứ mà mình quên rằng trong sinh hoạt mình ăn uống tầm bậy, nó làm cho tứ đại bất hòa. Mà hễ tứ đại rối loạn thì ta bèn bị bệnh thôi, thưa quý vị. Sinh hoạt không hợp lý, thuốc men không hợp lý, uống ăn không hợp lý thì coi như gây xáo trộn trong bốn đại. Mà hễ bốn đại bị xáo trộn thì bèn bất an. Mà hễ long thể bất an thì long sàng có rệp. Cái chuyện xưa nay mình phải hiểu là coi như xốn xang, ray rứt, ngủ không được. Chuyện đó rất là đơn giản như vậy.

Cho nên đừng có đổ hết mọi thứ cho nghiệp quá khứ. Và thứ hai, nếu sáu cái này là sáu thành tố cấu tạo ra vũ trụ và chúng sanh thì coi như chỗ đứng của cái ông trời ời mà sáng tạo muôn loài coi như không có. Là bởi vì mọi thứ là do sáu cái này tạo ra. Thức ở đây là gồm thiện và ác, phải hiểu ngầm nha.

Cái thứ ba, nếu mình hiểu mọi thứ là do sáu đại tạo ra thì làm gì có chuyện mọi thứ do ngẫu nhiên mà có. Cho nên Ngài xác định ở đây, nếu một khi mà ta chấp một trong ba cái cực đoan là bởi vì ta không hiểu rằng cái cấu tạo của vũ trụ và chúng sinh

nó gồm tối thiểu là sáu thứ này, tức là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Nhớ cái đó, quan trọng lắm.

Chưa hết, đối với một số chúng sanh mà mình nói rằng thế giới này, nghe Ngài nói thế giới này do các duyên mà có, họ hiểu rồi, đủ rồi, đặc liền. Nhưng có chúng sanh nghe vậy họ chưa có phê gì hết. Ngài mới nói toàn bộ vũ trụ và tất cả chúng sanh nó chỉ nằm ở trong hai thứ danh và sắc. Có một số trường hợp Thế Tôn không nói vậy mà Ngài nói rằng: toàn bộ vũ trụ và chúng sanh chia ra gồm có ba thôi, là thiện, ác và vô ký. Họ nghe như vậy họ mới hiểu.

Rồi có một số chúng sanh, Ngài nói vô lượng vũ trụ và chúng sanh chỉ nằm trong năm uẩn. Hoặc rồi có lúc Ngài nói rằng trong sáu căn, trong mười hai xứ. Có lúc thì Ngài nói vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh nằm trong con số mười tám thôi. Ở đây mình đang học đó, có nghĩa là sáu căn, sáu cảnh và sáu thức.

Có chỗ Ngài nói rằng vô lượng vũ trụ nó chỉ gồm có sáu tướng thôi, gồm có sáu xúc thôi, sáu tư thôi, sáu thọ thôi, sáu ái thôi, chỉ nằm trong chừng đó thôi.

Ngài nói vậy cũng được, hoàn toàn chính xác và cực kỳ đầy đủ. Ngài nói thế giới này chỉ nằm trong sáu tướng thôi. Đúng, không sai: sắc tướng, thanh tướng, vị tướng, khí tướng. Tất cả đều nằm trong sáu tướng, nằm trong sáu thức, nằm trong sáu thọ hoặc nằm trong sáu ái. Hoàn toàn chính xác, không có sai. Có nghĩa là thế giới này nó quần quanh trong sáu trần. Tôi giảng cái này riết tôi nhọc, tôi nghĩ nó quá nhàm rồi.

Bây giờ tôi ví dụ một cái cho vui thôi: vô lượng vũ trụ và chúng sanh trong đó, từ hạt cát, cọng cỏ cho đến mặt trăng, mặt trời, tất cả đều nằm trong sáu căn, sáu trần. Con ong, cái kiến, cho đến Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân, Diêu Trì Vương Mẫu, Đại Thiên Ác Thiên Tử, Chánh Đẳng Chánh Giác, tất cả cũng đều nằm ở trong sáu căn và sáu trần, đúng không?

Tôi chứng minh, thí dụ như mặt trời nó xa thiệt đó, mình không có rờ được nó, nhưng nó vẫn nằm trong sáu căn và sáu trần, đúng không? Đúng chứ! Là vì mặt trời mình

không có rờ được, mình không có ngửi được, mình không có nghe được âm thanh của mặt trời, nhưng ít ra mình thấy được nó và mình có thể suy tư về nó. Như vậy mặt trời nó xa như vậy nhưng nó vẫn là sắc trần và pháp trần đối với chúng ta, đúng không?

Rồi chư Phật, dù hôm nay trước mắt mình không có vị Phật nào, nhưng mình vẫn có thể suy tưởng về 32 hảo tướng đại nhân, suy tưởng về đức lành của chư Phật trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, được chứ; suy nghĩ về nhất thiết trí, về đại bi trí, về song thông trí, được chứ. Mình biết qua kinh đó.

Cho nên những chuyện, những người, những vật, những cảnh xa xôi ngàn dặm, đã thuộc về quá khứ hay thuộc về tương lai, thì ít ra nó cũng thuộc về pháp trần, nó cũng nằm trong suy nghĩ của mình. Cho nên ở trên đời này, hễ có cái gì đó thì cái đó dứt khoát phải nằm trong sáu trần. Đã nói là cái gì thì nó phải nằm trong sáu trần, trừ ra không có thì thôi. Hễ có cái gì thuộc về tinh thần, vật chất, thì cái đó đều thuộc về sáu trần.

Cho nên Đức Thế Tôn Ngài nói: nếu mà con chịu hiểu rằng thế giới này nó có cả tâm và vật, nó có cả tinh thần và vật chất, nó có cả sáu căn, sáu trần, nó có cả đủ lực đại pháp giới, thì con không có ngu gì mà con cực đoan khi con cho rằng mọi thứ là do tiền nghiệp quá khứ, mọi thứ là do một đấng trời ơi nào đó tạo ra, mọi thứ do ngẫu nhiên mà có. Nếu con hiểu được bản chất thế giới này nó đầy đủ như vậy thì con không có cái nhìn phiến diện nữa.

Cái khổ của phàm phu là gì? Là phiến diện. Là mỗi người chúng ta có một cái nền tảng tư duy khác nhau. Nền tảng đó là điều kiện giáo dục, điều kiện thể trạng, điều kiện não trạng, điều kiện tâm trạng. Ba bốn cái trạng này nó cộng lại.

Điều kiện thể trạng là sức khỏe mình ra sao. Rồi cái não trạng là kiến thức, nhận thức của mình ra sao, thì dẫn đến tâm trạng của mình trong mỗi lúc nó ra sao. Dựa vào

chùng ấy cái background, mỗi người bèn có cái nhận thức, đánh giá, có những nhận xét khác nhau trước những trần cảnh.

Tôi dốt đặc về âm nhạc Tây phương, cho nên tôi nghe ba cái hòa âm phối khí ồ ồ, tôi không hiểu gì hết. Tôi không biết thế nào là Chopin, thế nào là Mozart, không hiểu thế nào là Beethoven, tôi không có biết. Tôi là nhà quê, tôi chỉ biết có cái lương thôi hà, tôi chỉ biết có Út Trà Ôn, tôi chỉ biết Phùng Há thôi.

Tôi là thằng Ý thì tôi nhìn spaghetti, chứ tôi nhìn cái tô bún mắm, mì Quảng làm sao tôi chịu nổi. Cho nên cái background tôi là cái gì? Là não trạng, là tâm trạng, là thể trạng, là bối cảnh giáo dục, bối cảnh sinh hoạt, bối cảnh xã hội... Tất cả những cái đó cộng lại nó trở thành cái background của tôi. Và trên cái background ấy, tôi có cái nhìn khác nhau, không giống những người khác về cái thế giới này, những gì tôi thấy, những gì tôi nghe.

Thằng da đen nó khoái sắc sỡ, còn thằng da trắng nó khoái đơn giản. Bởi vì cái não trạng của nó, cái thể trạng của nó, cái bối cảnh sinh trưởng của nó không giống nhau; bối cảnh giáo dục, bối cảnh gia đình, bối cảnh xã hội, nó cũng không giống nhau.

Mình phải có cái nhìn xuyên suốt như vậy, không có dính vào các cực đoan, thì mình mới: à, thì ra thế giới này nó ra sao thì như vậy.

Tôi nói một ngàn lẻ một lần rằng chúng ta có hai cách để nhìn vào thế giới: một, nhìn như là nó; hai, là nhìn như mình muốn. Xưa nay mình khổ là vì mình nhìn thế giới này từ góc độ mình muốn thôi. Mà mình nhìn theo mình muốn thì cái nền tảng mình ra sao, nó cho phép mình thấy tới đâu mình thấy tới đó.

Quý vị nghĩ cái này quý vị mới xanh mặt nè. Ở đây toàn dân ăn học, tôi nghĩ quý vị nghe quý vị nhớ. Cái này không phải là lạ với quý vị, tôi chỉ nhắc quý vị, quý vị hết hồn. Tất cả những kiến thức của ta về toán, lý, hóa, trong thời điểm này mình nghĩ nó là đỉnh, nhưng mà quý vị biết rằng rất có thể ở một nền văn minh khác họ cười vào mũi chúng ta không?

Thí dụ như cấu tạo của một cánh máy bay, của một cái đuôi máy bay, của một động cơ máy bay, cách đây một trăm năm nó không giống như mình bây giờ. Ngày xưa để đạt đến tốc độ cao, người ta xài cái cánh lớn, nhưng ngày nay một chiếc phản lực người ta đâu có cần xài cái cánh quay, đâu phải xài cái cánh quạt to đùng như ngày xưa nữa. Cái hình thức của máy bay, động cơ của máy bay, cái đó nó quyết định tất cả. Chứ còn ngày xưa là nó phải xài mấy cái cánh.

Chỉ riêng những khái niệm vật lý của ngày xưa, cách đây một trăm năm, khác mình dữ lắm rồi. Có những phát minh về khoa học, về y học, cách đây ba chục năm về trước là hoang đường, đúng là impossible, nhưng hôm nay nó là possible. Như hiện nay người ta có thể cấy những cái chip hay là những cái microrobot nhỏ xíu thả vào cơ thể con người cho nó đi khám bệnh. Cái chuyện đó là chuyện hôm nay có thể làm được. Hôm nay người ta có thể gắn chip điện tử để người ta theo dõi ai đó.

Ngày xưa người ta chỉ có thể gắn chip vào thú rừng để người ta theo dõi, như gắn những cái chip vào cá sấu, vào chim, thú. Ngày nay người ta có thể cấy chip vào trong da thịt của mình để người ta theo dõi mình. Vậy thì nhiều cái khái niệm về khoa học, kỹ thuật, công nghệ mà cách đây năm năm, mười năm, hai chục năm, cái đó nó là hoang tưởng, nó là hoang đường, là không tưởng, là impossible, là bất khả thi; nhưng mà hôm nay thì đó là chuyện bình thường.

Tại sao tôi nói chuyện đó? Bởi vì

Nội dung so sánh ba minh của Bà-la-môn và ba minh của Phật pháp mình giảng hôm qua rồi, cho nên xin thông qua bài kinh này nha. Mới vừa giảng xong hồi hôm qua, quý vị hoan hỉ cho xin bài tiếp theo.

Ở đây nội dung bài kinh này là như thế này, là cũng giảng về ba minh nữa. Có ông Bà-la-môn tên là Sangārava, một ông rất là nổi tiếng. Nổi tiếng là sao? Nổi tiếng là bởi nhiều lần ông đến gặp Phật và ông hỏi Ngài nhiều vấn đề rất là quan trọng. Nổi tiếng là vậy thôi, nổi tiếng là ông đến hỏi Ngài nhiều vấn đề quan trọng. Và sau này

chúng ta lần lượt, thí dụ như chúng ta lần lượt nhìn thấy những bài kinh đó, chẳng hạn như Tăng Chi Bộ ở cái phần Năm pháp, ta sẽ gặp lại ống nha. Chúng ta sẽ lần lượt gặp rải rác, rải rác như vậy.

Thì trong cái bài kinh này, ống đến ống gặp Phật, ông thưa với Ngài một chuyện. Phải nói là bên đạo Bà-la-môn ấy, người ta có cúng tế này nọ, còn ở trong Phật giáo thì không, nha.

Cúng tế là sao? Có nghĩa là lâu lâu như vậy đó, người ta tổ chức những cái tế đàn lớn. Tế đàn, tiếng Pali gọi là... gọi là tế đàn, còn cái cúng tế, động từ nó là..., danh từ nó là... Tế đàn là buổi cúng đó.

Các cái tế đàn nó gồm có nhiều loại. Loại nhỏ nhỏ là mời mấy ông tu sĩ về cúng cơm cho mấy ống thôi, đó là tế đàn nhỏ. Còn cái tế đàn lớn là mình phải mời đông đúc hàng ngàn người, hàng trăm người về để mình cúng dường, đó là tế đàn lớn hơn. Và dĩ nhiên càng đông thì lễ vật nó càng phong phú, phức tạp hơn.

Còn tế đàn lớn nhất thì sao ta? Thì người ta phải mổ trâu bao nhiêu, mổ bò bao nhiêu, dê cừu bao nhiêu. Và thậm chí những tế đàn do những ông vua ống làm, ống đứng ra bỏ tiền ra làm đó, thì ống mời; ngoài cái việc mà đông đảo các thầy bà, tu sĩ, nam nữ của các hệ phái về, ống còn cho giết đồng nam và đồng nữ nữa. Đồng nam là mấy đứa bé trai, và đồng nữ là mấy đứa bé gái, cũng cột vào cọc rồi cắt cổ lấy máu.

Rồi mấy ông thầy cúng, mấy ông tu sĩ đó mới lấy cái máu đó đi bôi trên mấy cái tượng và đi rải, đi rắc chung quanh cái lễ đài đó. Thì đó gọi là tế đàn lớn, và cái tiêu chuẩn để thực hiện các tế đàn này rất là phức tạp.

Tối thiểu cái vị tu sĩ chủ tế, đứng đầu trong buổi cúng đó, tối thiểu là hội đủ ba tiêu chuẩn.

Một là phải thanh tịnh về huyết thống, có nghĩa là nhiều đời liên tục trong dòng họ không lấy người ngoài giai cấp Bà-la-môn.

Thứ hai là bản thân ông chủ tế đó phải là nhà trì chú, có nghĩa là cả đời ông chỉ sống với bùa phép thôi, không có cái việc thứ hai để làm.

Thứ ba là bản thân ông là người tinh thông kinh Vệ-đà, tức là giáo điển của Bà-la-môn giáo đó. Giống như bên Nho có Tứ thư, Ngũ kinh; bên đạo Lão thì có Đạo tạng; đạo Phật thì có Tam tạng kinh điển; bên Chúa thì có Thánh kinh Bible; còn bên đạo Hồi thì có kinh Qur'an. Thì bên đạo Bà-la-môn có ba tập Veda. Ông thầy chủ tế phải tinh thông ba tập Veda, thì hội đủ điều kiện như vậy mới thực hiện buổi cúng tế.

Ông này ông tới Ngài, ông nói một buổi cúng như vậy của các tu sĩ Bà-la-môn đem lại lợi ích cho nhiều người lắm. Một buổi cúng như vậy là ban phước cho muôn người, đồng thời tế cáo trời đất để cho thuận với lòng trời và cầu nguyện cho mưa thuận gió hòa, thiên nhiên thì tốt đẹp, không có trái gió trở trời, phong điều vũ thuận.

Cái đạo mà lâu lâu người ta làm một cái, lâu lâu người ta làm một buổi như vậy thì lợi ích rất là lớn. Mấy người theo đạo Phật cái gì đâu mà cạo đầu, cái ôm bình bát đi xin. Đi xin xong rồi cái kiếm một cái gốc cây nào đó ngồi thiền. Như vậy nói về lợi ích thì nó đâu bằng cái đạo kia.

Cái đạo kia, mấy người tu sĩ lâu lâu cái người ta gom lại thiết là đông, cái người ta làm một bữa cúng, người ta làm ẩm ỉ, um xum, bát nháo, rồi mới chia phước cho muôn loài. Chứ còn bên cái đạo gì đâu mà cứ lạng lẽ ôm bát đi xin, rồi lạng lẽ kiếm chỗ vắng ngồi thiền. Mình nhìn mình thấy rõ ràng hai cái khác nhau: một bên là ban phước cho muôn loài, còn một bên tu hành cái kiểu cá nhân, cái kiểu khép kín, cái kiểu gọi là ích kỷ, cái kiểu vụn vặt.

Thì Đức Phật hỏi lại ông:

“Hãy suy nghĩ kỹ lại đi. Chuyện đó không có đơn giản như ông nghĩ đâu. Ông chỉ nghĩ đơn giản là đi bát rồi chỉ một mình, ngồi một mình, đi ăn một mình, ngồi thiền một mình, thấy là ích kỷ. Nhưng ông nghĩ theo một cái hướng khác là một cái người mà thực hành chánh pháp, thực hành Bát chánh đạo rồi đem khuyên giảng cái nội

dung lý tưởng phạm hạnh đó cho người khác cùng tu tập như mình, không phải là một mà hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn, thì công đức đó nó có phải là ít hay không?”

Vấn đề trong đạo Phật mình đó là nhiều người hiểu lầm là Nam tông là Tiểu thừa, là ích kỷ, là tu cho mình mình. Nhưng thực ra quý vị nghĩ kỹ đi, cái trách nhiệm của vị Sa-môn đối với trong đời tu gồm có hai. Nói gọn là có hai: là pháp học, pháp hành. Còn mà nói cách khác thì trách nhiệm Sa-môn cũng gồm có hai: là với mình và với người.

Ai không tin có hai trách nhiệm này thì làm ơn mở trong kinh coi có phải vậy không? Vì đâu mà Thế Tôn thuyết giảng Tam tạng? Trong đó mình thấy một là hỗ trợ cho bản thân vị Tỷ-kheo đó, chính kinh điển giới luật. Thứ hai là chính những gì Phật dạy có nội dung là đem lại niềm tin cho những người chưa có niềm tin và hỗ trợ, củng cố niềm tin cho những người đã có niềm tin. Cái điều này đã được lập đi lập lại rất là nhiều lần.

Điều đó cho thấy là nội dung tu hành của người tu nó không phải chỉ có một mình mình, mà ngoài cái lợi tự lợi còn có lợi tha nữa, ngoài cái tự độ còn có cái độ tha. Và vấn đề là nó nằm ở khả năng của mỗi Tỷ-kheo: học bao nhiêu, hành được bao nhiêu và hoằng hóa được bao nhiêu. Chứ còn mình nhìn Phật.

Giáo từ góc độ một mình, mình thấy sao ông đi bát xong rồi về ông ăn một mình, ngồi thiền một mình, ngủ một mình, đi đâu cũng một mình. Nhìn thấy rõ ràng là ích kỷ thiệt. Nhưng đó là trên mặt nổi thôi, chứ trên cái mặt chìm, ở chiều sâu thì nó sâu lắm.

Vấn đề là pháp học vị đó bao nhiêu, pháp hành vị đó bao nhiêu, khả năng chia sẻ vị đó bao nhiêu? Nếu mà nhìn từ góc độ này thì cái tinh thần Phật pháp không có phải là ích kỷ, và cái lợi lạc mà một Tỷ-kheo chân chánh đem lại cho quần sanh không có nhỏ đâu.

Tôi hỏi quý vị một chuyện thôi: trong Zoom này có ai biết ngày sanh của Sitagu không? Ngài {}, cái vị mà coi như có trường đại học quốc gia ở Mandalay, ở Sagaing gần Mandalay; ngài có luôn những trung tâm Phật học ở Miến Điện, ở Austin, tiểu bang Texas, Hoa Kỳ có trung tâm Sitagu; ở Myanmar, tiểu bang Florida, ở Hoa Kỳ, đều là những trung tâm hoành tráng. Và tại Sagaing Hill ở Miến Điện, gần Mandalay, cũng có một trường đại học Theravada cũng cực kỳ hoành tráng. Và không ít người Việt, người Lào, người Campuchia, người Đại Hàn, người Nhật Bản cũng đang học ở đó.

Rồi các vị có biết Ngài {} là Viện trưởng trường Theravada University ở Yangon hay không? Rồi quý vị có biết Ngài Pa Auk hay không? Ngài có mấy trung tâm lớn ở Yangon, ở {}, tức là {}, ở bên Singapore, rồi ở Mỹ. Tôi chỉ kể một ít, rồi tôi kể thêm một mớ nữa như là Hòa thượng Nhất Hạnh nè, rồi những dòng thiền Ajahn Chah, bên Úc, bên Mỹ nè, bên Âu Châu nè, rồi {} nè.

Thì tôi xin hỏi: đó là những cá nhân chứ đâu phải tập thể. Bản thân Ngài {}, Ngài Pa Auk nè, bản thân Ngài {}, bản thân Ngài Ajahn Chah, toàn là cá nhân không. Nhưng mà hỏi đóng góp của các vị đó cho đời có phải đủ để cho mình quỳ lạy không?

Cho nên vấn đề ở đây nó không phải là anh phải cúng bái rồi cầu nguyện cho phong điều vũ thuận, thiên nhiên khí, ban phúc cho muôn loài. Cái vấn đề là nội dung tu hành nó ra làm sao? Chưa kể anh làm gì để anh cúng, tôi chưa có nói nha. Anh giết chóc, anh sát sanh, anh hại mạng, đoạt mạng hại người, chưa kể cái khoản mà anh cúng đó, lâu lâu anh cúng một lần.

Còn trong khi một vị Tỷ-kheo mà tu tập theo tinh thần Bát chánh đạo thì bản thân vị đó an lạc, và vị đó chia sẻ lý tưởng phạm hạnh ấy cho vô lượng chúng sanh bằng cách là ngọn đèn đầu tiên thắp cho ngọn đèn thứ hai, thứ ba; ngọn đèn thứ hai, thứ ba nó lại lan, nó lại được môi lửa, nó được truyền đăng tục diệm cho ngọn đèn thứ năm, thứ mười, rồi thứ một trăm, thứ một ngàn.

Cho nên tinh thần Phật pháp được hiểu như ngọn lửa, thấy leo lét như vậy nhưng khả năng lan truyền rất lớn. Vấn đề là bản thân ngọn đèn đó có được bao nhiêu dầu và có bao nhiêu người chịu mời. Chứ còn quý vị không chịu mời thì tấm lòng của chư Tăng cũng không giúp được gì cho quý vị; Phật pháp có cao thâm cỡ nào cũng không thể giúp được gì cho quý vị được cái gì đâu nha.

Cho nên ông không hiểu chỗ này, ông cứ nói một bên là người ta tu, lâu lâu người ta cúng tế âm ỉ; còn một bên tu gì đâu mà rù rù im ru hà, không có gì ghê gớm. Cho nên ông mới nói là cái lợi ích của Phật pháp coi bộ ngó nó èo uột, có vẻ nó leo lét quá, mặc dù có phần lung linh đó, nhưng nó không được rộng rãi.

Thì khi đó Đức Phật phân tích cho ông nghe. Ông nghe rồi thì lúc đó ông mới hiểu: “À, thì ra con đã hiểu lầm.” Ngài phân tích cho ông nghe đó. Rồi khi Ngài hỏi ông như vậy thì cái nào hay hơn? Ông thì không hiểu lời Ngài, rồi thì Ngài Anan mới tiếp lời.

Trong chú giải nói trong những trường hợp này nè, có nhiều trường hợp Ngài Anan ngài không muốn Thế Tôn phải mất công.

Chẳng hạn như trong kinh kể một lần đó, có nguyên một đám đông người Bà-la-môn đến vấn đạo Thế Tôn, hỏi đạo Ngài. Ngài trả lời xong rồi, Ngài Anan ngồi kế bên Ngài suy nghĩ như thế này: “Thế Tôn đã mệt mỏi rồi, hãy để Thế Tôn nghỉ ngơi. Cha mệt, hãy để con thay thế.” Ngài nghĩ như vậy. Thế là Ngài xin phép Thế Tôn: “Cho con được nói chuyện với cái đám này.”

Một lần khác, nguyên một đám Bà-la-môn đến nói chuyện hầu Phật, nguyên đám Bà-la-môn lớn tuổi có, nhỏ tuổi có. Thì trong đám đó, mấy vị lớn nói chuyện xong rồi, cái ông nhỏ lên tiếng. Ngài Anan mới suy nghĩ: “Cha nói chuyện với cha, bây giờ con nói chuyện với con.” Ngài nghĩ như vậy mới xoay qua bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, cho con nói chuyện với cái ông này.”

Nhiều lần lắm, vì Ngài thấy là Thế Tôn đã nói rồi mà cái ông này vẫn trầm trồ trầm trất, thì Ngài Anan mới xin Thế Tôn cho Ngài góp lời.

Quý vị nhớ nha. Ngài Anan mới hỏi ông Bà-la-môn này nè:

“Đức Thế Tôn đã nói rõ như vậy rồi, nói rõ người xuất gia mà hành đúng tinh thần Bát chánh đạo, đúng lý tưởng phạm hạnh như vậy đó thì lợi ích có thể đem lại nhiều lắm, có đúng như vậy không? Mà nếu đúng như vậy, một bên tu rồi chỉ biết cúng tế, một bên tu rồi trang nghiêm bản thân và hoằng hóa nội dung tu tập ấy, thì hai cái này so ra cái nào tốt hơn?”

Ngài hỏi như vậy đó. Thì ông nhìn nhận dĩ nhiên con đường xuất gia là tốt hơn. Nhưng lúc đó Ngài Anan quan sát, Ngài thấy không thể để mọi chuyện kết thúc ở đó, cho nên Ngài Anan hỏi ông Bà-la-môn này, hỏi cái nào nó hay hơn? Hỏi lại lần nữa, ông không trả lời Ngài Anan thẳng mà ông nói là:

“Con thấy người như Thế Tôn và như Tôn giả, con thấy là quý quá rồi, gặp rồi con thấy hai vị là đáng nể.”

Ngài Anan nói:

“Không, tôi không hỏi ông như vậy. Tôi không hỏi ông là ai đáng kính nể, mà tôi hỏi ông là hai con đường tu hành kiểu đó, cái nào hay hơn?”

Thì ông chỉ có một câu đó trả lời.

Lúc đó Đức Phật mới suy nghĩ như thế này: “Câu hỏi của Anan rất là hay, nhưng mà ông này không biết trả lời, thì thôi ta hướng đề tài nói chuyện sang một cái việc khác.”

Ngài mới hỏi:

“Ông làm việc trong cung, bữa nay trong cung vua và triều thần nói chuyện gì vậy?”

Ở đây là một chi tiết rất là đặc biệt. Vì Thế Tôn có thần thông, Ngài biết khi mà Ngài lái qua đề tài này thì sẽ đưa ông này qua hướng khác. Vấn đề thần thông, Ngài biết rất rõ là ông này trước khi đến hầu Phật thì ông từ cung vua ổng đi ra, và trong cung vua bữa nay bàn về chuyện gì. Và Đức Thế Tôn xét thấy là cái đề tài này giờ nói nó có liên quan đến câu chuyện mà sáng nay trong cung vua và quan bàn bạc. Thay vì hỏi tới hỏi lui ổng không chịu trả lời, thì thôi Ngài mới đem cái chuyện mà sáng nay ổng mới vừa bàn trong cung, Ngài hỏi ông.

Và giải thích cho ổng nghe thì ổng sẽ hiểu được cái vấn đề mà ổng mới vừa hỏi Ngài.

Tức là sáng nay, trong cung, trước khi ổng đến hầu Phật, ổng đã vào trong triều, ổng họp mặt với vua và quan ở đó, rồi nó mới nảy ra một đề tài tranh luận. Rồi đề tài nó ám trong đầu của ổng. Khi vào gặp Phật, ổng đưa một câu hỏi nó có nội dung lan man gần giống với đề tài mà ổng nói chuyện trong cung.

Khi mà ổng đem đề tài đó ổng bạch hỏi Thế Tôn, thì Thế Tôn giải thích cho ổng nghe mà ổng còn ầm ớ. Thì Thế Tôn mới đem cái chuyện kia để bổ sung, bằng cách hỏi lại ổng, nói cho ổng nghe chuyện lúc sáng, là tự nhiên ổng sáng bừng cái thắc mắc của ổng thôi.

Ngài, với thần thông, Ngài biết sáng nay trong cung nói chuyện gì. Coi như Ngài bỏ qua cái câu kia, bỏ qua cái vấn đề đang bàn là tu bằng cách cúng bái tùm lum, rồi cầu nguyện; một bên tu là trang nghiêm thân tâm, cái nào là giúp cho người ta được an lạc, lợi ích nhiều hơn. Bây giờ đây cái đề tài đó qua một bên mà Ngài hỏi chuyện trong cung, hỏi sáng nay trong triều vua quan nói chuyện gì với nhau?

Ổng nói:

Dạ hồi sáng tụi con nói như thế này: trong đời Thế Tôn có mấy chục năm, được chia là nhiều giai đoạn, mà cái giai đoạn đầu...

Ở đây trong kinh nói là thuở xưa, nhưng phải hiểu là trong mấy chục năm đầu, lúc mấy chục năm mà Thế Tôn mới thành đạo, chư Tăng không có đông rần rộ như bây giờ, như lúc này, lúc mà ông đang hầu chuyện.

Trong kinh nói rằng khi Thế Tôn viên tịch ở xứ Naga, thì trên toàn cõi Ấn Độ lúc đó có trên bảy trăm ngàn vị Tỳ-kheo, có nghĩa là hơn nửa triệu Tỳ-kheo. Quý vị biết, đông kinh hoàng luôn. Ngay cái ngày mà Thế Tôn viên tịch thì trong toàn cõi Ấn Độ có trên bảy trăm ngàn Tỳ-kheo, đông lắm. Ngay cả Miến Điện, bảy trăm ngàn là đông gấp đôi chư Tăng Thái Lan bây giờ, gần gấp đôi chư Tăng Miến Điện bây giờ.

Trong cung mới bàn như thế này: ngày xưa chư Tăng đâu có đông như bây giờ, mà thời đó đặc chứng thần thông, đạo quả thì đầy dẫy; còn bây giờ hình như chư Tăng thì đông hơn, nhưng tính ra cái tỷ lệ phần trăm, tỷ số chứng đắc thì ít hơn. Sao kỳ vậy? Hồi xưa thần thông nhiều lắm, bây giờ không có bằng.

Ông kể lại cho Thế Tôn nghe, ông nói hồi sáng vua và quan bàn nhau chuyện đó.

Khi mà nghe chuyện này thì Đức Thế Tôn biết trước là ông sẽ trả lời như vậy. Và Ngài nhân câu trả lời đó, Ngài nói về ba loại thần thông. Tại vì tôi nhắc nha, khi mà ông nói chuyện trong triều đình bàn về chuyện tu chứng là họ không chú ý lắm, họ chỉ nhắc qua thôi, nhưng họ không chú ý đến chuyện đạo quả, mà chỉ lo bàn chuyện thần thông thôi. Bởi vì đặc quả nhìn vô làm sao mà biết, còn thần thông thì nó hóa hiện hình mình biết.

Chứ còn mình đặc A-la-hán, thứ nhất là mình không có lòng khoe, và thứ hai nữa là, tôi giả định thôi nha, nếu cho người ta biết mình chứng A-la-hán thì không có cách nào để cho người ta biết mình đặc A-la-hán hết. Cho nên chúng sanh mình, thứ nhất là A-la-hán không có lòng khoe; thứ hai, nếu có ai đó muốn diễn tả ai là A-la-hán, tôi không biết trong Zoom biết cách nào chứ tôi tìm không ra rồi đó. Bởi vì cái chuyện mà không tham, không sân, không si, mình dựa vào đâu mà mình có thể chứng minh?

Riêng mấy vị có thần thông, mấy vị đó dễ lắm. Mấy vị chỉ cần búng tay, mấy vị ngồi lơ lửng là mình thấy có thiệt rồi đó, đặc thần thông là có thiệt. Nói chuyện đi trên lửa, đi trên nước, rồi tàng hình, hóa cái này hiện cái kia, cái đó mình phải thấy.

Đối với thiền định, thần thông mình nhìn mình thấy. Thí dụ như nhập định nè, mình không tin, bây giờ ông cứ ngồi yên gốc cây đó cả tuần lễ, không ăn, không uống, không tiêu, không tiểu, không nhúc nhích, không cử động, không có biểu lộ buồn vui, thì dĩ nhiên mình tin, tin thẳng cha này định. Còn thần thông thì thẳng cha này hóa này, hóa kia, thì mình nhìn biết ông này có thần thông. Còn đạo quả thì kiểu nào đây? Thứ nhất là người ta không muốn khoe, đúng rồi, nhưng ví dụ muốn cho thấy ông A, ông B ông đặc quả thì mình làm sao ta? Chỉ có chết thôi chứ làm sao mà cho người ta thấy được.

Cho nên trong khi mà trong kinh Phật dạy, các Tỷ-kheo trong buổi đầu giáo pháp họ chỉ nói nhiều về vấn đề thần thông. Chính vì chỗ này, Thế Tôn Ngài mới nhân cái duyên này, nhân dịp này, Ngài mới nói cái thần thông mà kẻ phàm phu hay nói, nó chẳng là cái gì trong cái nhìn của bậc Thánh hết.

Vì sao? Vì thần thông nó có nhiều loại. Loại một gọi là Pathi, {...} gọi là biến hóa thông, có nghĩa là kêu mây gọi gió, dời non lấp biển, nói theo tiếng Tàu cho nó sang gọi là hô phong hoán vũ, di sơn đảo hải, sai đệ thành minh, nghĩa là rải đệ ra thành nguyên đoàn quân, kêu mưa gọi gió, cười mây, đi mây về gió. Đó được gọi là thần thông.

Mà trong cách nghĩ của Đức Phật là phàm phu, thậm chí có thể bay đến vũ trụ khác thì gọi đó là thần thông. Nhưng Ngài, nay mai chứ không xa đâu, chúng ta sẽ học bài kinh khác sẽ nói rõ vụ này. Bây giờ trong bài kinh này gọn quá, bây giờ tôi nói trước nha, cho nó sáng thêm cho bà con. Bây giờ sẵn học luôn.

Thời Đức Thế Tôn ra đời, ở Ấn Độ nó có hai loại chú thuật gọi là {...}. Hai loại chú này nè, nó mạnh đến mức mà cái người luyện xong hai loại bùa này nè, họ có thể làm

được những việc y chang như những vị đắc thần thông làm vậy. Ví dụ như họ có thể biến hiện ra con này, con kia, biến hiện ra nhà cửa, ao hồ, núi non, và thậm chí họ có thể bay lên tới cõi Phạm Thiên. Dễ sợ chưa?

Và ngay trong hàng đệ tử Thế Tôn có một vị Tỳ-kheo tên là {...}. Ngài có thân thể hơi đặc biệt. Đó là mẹ của Ngài là một tiểu thư con nhà giàu, khuê môn kín cổng cao tường, ba má chờ cái chỗ môn đăng hộ đối mới gả. Trong thời gian chờ kén rể, {...} mới ếm hàng, giấu nàng ở trong tòa lầu bảy tầng, giao cho bà vú nuôi chăm sóc mỗi ngày.

Có thằng cha kia bùa, bùa khi rất là cao tay. Thường thường chả dùng cái loại bùa {...} này, chả bay đi, thay vì mình đi bộ, chả đi từ chỗ này đến chỗ kia bằng cái bùa đó đó. Bữa đó chả bay ngang qua tòa lầu đài, thấy cô này đẹp quá, ổng mới vô trong đó ổng này nọ với cô, rồi cố có mang, rồi xong ổng đi mất tiêu.

Cố đến cái ngày có bầu sanh con, cố mới nói thiệt bà vú nuôi, nói:

Dấu giùm con vụ này, đừng để gia đình biết, gia đình giết con.

Thì bà vú nuôi mới đem đứa bé liệng xuống sông.

Thay vì bà giết thì bà không có nỡ, bà mới thả bè đứa bé, bỏ lên trên đó một chút tiền bạc, ai lượm được thì nuôi dùm. Thì cái bè đó, cái nôi bỏ đứa bé nó trôi theo dòng nước, được người ta vớt lên. Người vớt cái nôi đó lại là một người Phật tử, đệ tử của ngài Anuruddha, đệ nhất thiên nhãn.

Bà này bà thấy đứa bé kháu khinh, bà thương, bà đem về bà nuôi. Thì ngài Anuruddha thỉnh thoảng ngài ghé thăm người đệ tử của mình. Ngài nhìn thấy đứa bé, ngài biết đây là thứ dữ rồi, nói rằng: “Nuôi nó nghe, ráng nuôi nó ít lâu rồi ta cho đi tu. Đây là bậc long tượng, bậc pháp khí Đại thừa chứ không phải thường.”

Thì bà nuôi một thời gian. Chuyện về đứa bé này dài lắm, nhưng đại khái bà nuôi, bà càng phát hiện ra đứa bé này coi như là bậc đại nhân, phúc lộc tràn trề. Thì đến một

cái tuổi nào đó, ngài về, ngài thấy được rồi, ngài dắt đứa bé đi tu và chứng A-la-hán. Thì các vị thấy không, thời đức Phật tại thế nó vẫn còn cái loại bùa kinh hoàng như vậy.

Trường hợp thứ hai là vua King Bimbisara, có nghĩa là vua Bình Sa Vương, là cha ruột của vua A Xà Thế. Ông này trước khi ông biết Phật pháp, ông là vị vua phong lưu. Phong lưu là trong cung ông tam cung lục viện, hàng ngàn giai nhân tú lệ, thiên kiều bá mị, thơm phức, lộng lẫy. Nhưng mà ông xài hàng cũ ông cũng nản, lâu lâu ông muốn đổi.

Thì ông có một ông quan đại thần. Ông quan đại thần này ông rất là giỏi bùa. Ông này ông dùng bùa đó ông điều khiển dạ-xoa. Ông này dưới tay ông có một con dạ-xoa rất là mạnh, thần thông rất là giỏi. Mỗi lần mà vua muốn thay đổi khẩu vị, ông vua chỉ cần nói với ông đại thần này thôi, nói với ông quan này, thì ông quan này ông dùng bùa, ông điều khiển con dạ-xoa đó làm một trong hai việc sau đây.

Một là con dạ-xoa đó đem vua đi đến chỗ nào có gái đẹp để ông thưởng thức. Còn hai nữa là đem gái đẹp từ phương xa về cho vua Bình Sa Vương xài tại trong cung rồi đem trả hàng lại cái chỗ cũ. Quý vị nghe khủng khiếp không? Đó là hai chuyện.

Thứ ba là các vị thấy cái vị mà tôi vừa viết là trước khi ngài đi tu, ngài có một khả năng rất là đặc biệt: ngài gõ vô cái sọ người thì ngài biết người này chết sanh về cõi nào. Khi ngài nghe người ta đồn thôi là Sa-môn Gotama, Phật Cồ Đàm còn giỏi hơn mình gấp ngàn, gấp trăm, gấp triệu lần như vậy, vị đó nhiều cái còn cao tay hơn mình nữa. Ngài nghe thấy, ngài tò mò, ngài đến học đạo, học bùa.

Khi ngài đến, đức Phật mới hỏi:

“Theo ta biết, người có khả năng đó phải không?”

“Dạ.”

Thì ngài dùng thần thông đem cái sọ của người phàm ở đâu đó, mà với khả năng ngài tìm ở đâu có khó. Rồi ngài mới đem sọ người trước mặt ông. Ông gõ gõ rồi mới nói:

“Cái ông này đang ở cõi trời.”

Thì Phật đem đến cho ông ba cái khác nhau. Rồi ông gõ gõ cái nữa, ông nói:

“Ông bị đọa rồi.”

Ông gõ gõ:

“Ông này đang ở cõi người, đang ở đâu đó.”

Lúc đó đức Thế Tôn, ngài dùng thần thông, ngài vô núi lấy một cái sọ của một vị Phật Độc Giác, ngài đưa ông. Thì cái sọ ai cũng giống ai thôi, sọ thì phàm thánh giống nhau thôi. Thì ngài đưa cái sọ của vị Phật Độc Giác cho ông, ông đổ mồ hôi, gõ hoài mà gõ không ra: “Ông nội này ở đâu trời!”

Thì lúc đó đức Thế Tôn mới hỏi:

“Người tìm không ra hay sao?”

Ông bạch Thế Tôn:

“Thưa ngài, con gõ hồi này giờ bao nhiêu cái con tìm ra hết, sao ông này con gõ hoài không ra, không biết ông đi đâu?”

Thì ngài nói:

“Đó là một vị A-la-hán đã Niết-bàn rồi, không còn có tái sanh thì làm sao mà người tìm ra được.”

Thì vị này hỏi:

“Có cách nào con học được khả năng của ngài hay không?”

Phật nói:

“Được, nhưng phải xuất gia.”

Thì vị này xuất gia, trong vòng ba canh thì đắc quả lục thông, tam minh và bốn trí vô ngại. Thì lúc đó đâu có còn màng tới gõ làm chi, ngồi yên cũng biết chứ cần gì gõ.

Thì sẵn đây tôi nói luôn, cái bùa chú nó có nhiều cái thứ mà nó làm việc y như thần thông vậy. Cho nên cái bùa thứ nhất, cái ông Bà-la-môn này tên {...}, ông có biết, có nghe tới cái loại bùa này.

Đức Thế Tôn nói có ba loại thần thông sau đây: một là biến hóa thần thông, hai là tha tâm thông. À, bữa nay mình học thêm chữ nữa, chữ {...}, nó tương đương với {...}, tức là tha tâm thông.

Thì cái loại thần thông thứ nhất {...}, ông Bà-la-môn này ông nghe kể, ông nói:

“Dạ, cái thần thông này đối với con là huyền hóa, bởi vì bùa người ta cũng làm được.”

Huyền hóa tiếng Pali là Maya. Chữ Maya có nhiều nghĩa lắm, có nghĩa là magic, mà nó cũng có nghĩa là {...}, tuồng ảo hóa. Chữ Maya có nhiều nghĩa như vậy đó. Sở dĩ bà Maha Maya có tên đó là vì nhan sắc của bà thiên kiều bá mị, lung linh lấp lánh, người mà đẹp như tranh, người mà đẹp như tiên, nhìn nửa hư nửa thực, đẹp đến mức khó ngờ.

Giống như Việt Nam mình bây giờ có câu: “Trời, nó đẹp như đồ nhân tạo vậy đó, đẹp giống như đi thẩm mỹ vậy đó.” Trường hợp chữ Maya có nghĩa là bà đẹp không có lường được, người mà đẹp như tranh, người mà đẹp như tiên vậy. Thì chữ Maya có nhiều nghĩa, negative và positive là chỗ mình hiểu.

Thì ông nghe Thế Tôn giảng nói ba thần thông. Loại một là biến hóa thần thông. Tới loại thứ hai là {...}, có nghĩa là tha tâm thông, có nghĩa là với thần thông này mình

có thể biết được suy nghĩ của người khác. Ông nói:

“Đối với con, loại thần thông này cũng là huyền hóa.”

Vì sao? Vì có một loại bùa gọi là bùa {...}. Loại bùa này khi mình học nó rồi, mình nhìn người đối diện mình biết được người ta đang suy nghĩ cái gì. Và ông nói là đem so ra thì cái thần thông tha tâm thông so với loại bùa này nó cũng có cái giống nhau, cho nên đối với con, con cũng không nề.

“Nhưng cái con quý nhất là cái loại thần thông mà Thế Tôn vừa nói đó, nó là loại thứ ba, là {...}, có nghĩa là giáo hóa thần thông. Có nghĩa là một người đã biết qua Phật pháp rồi thì có khả năng trao truyền giáo pháp ấy cho người khác.”

Ông nói cái này mới đúng là thần thông diệu dụng của Phật pháp. Bởi vì một người có học đạo, hiểu đạo và hành đạo, đem chia sẻ cái thành quả, cái sở chứng sở đắc của mình cho người khác, giúp cho họ an lạc hơn. Chứ còn bây giờ mình có thần thông, mình biến hiện tùm lum nhưng mình có giúp được cho ai hay không? Mình biết tâm người khác, liệu mình có giúp được cho ai hay không? Mà cái quan trọng nhất là mình hướng dẫn tâm linh cho người khác.

Bên đạo Chúa gọi là linh hướng đó, là hướng dẫn tinh thần cho người khác. Thì ông nói cái này mới được lợi lạc.

Có một vị thiền sư có ý kiến mà tôi rất là thích. Có người đến hỏi:

“Vậy chứ quý thầy tu hành, hành giả, thiền sư, thiền sinh, rồi thiền viện mọc ra như nấm, người tu thì đông như quân Nguyên, sao không thấy ai có thần thông biến hiện, đi mây về gió, đi trên lửa, đi trên nước cho người ta thấy, rồi đi xuyên tường, xuyên vách, tàng hình? Chứ tu gì đâu mà cứ đi chậm chạp, cà rề cà rề, mắt cứ lim dim, lơ lơ, có gì đâu mà hay? Tu phải có phép màu.”

Vị thiền sư này mới trả lời như thế này:

“Ông nghĩ kỹ lại đi. Đi trên nước, ông giúp được ai? Ông đi trên lửa, ông giúp được ai? Xuyên tường, xuyên vách, tàng hình, bay nhảy, đi mây về gió, ông giúp được ai?

Cái phép màu của đạo Phật, của pháp môn Tứ niệm xứ, chính là ông đi bằng chánh niệm, bằng trí tuệ, bằng từ tâm; ông ngồi bằng chánh niệm, bằng trí tuệ, bằng từ tâm.

Tôi hỏi ông nghe: cái nào có lợi cho mình, có lợi cho người hơn? Bây giờ tôi nói ông ngồi kể cái người có thể đi xuyên vách, xuyên tường mà thiếu tâm từ, thiếu trí tuệ, thiếu chánh niệm thì ông được gì? Trong khi đó, nếu ông ở gần cái người có tâm từ, có trí tuệ, có chánh niệm thì ông thấy làm sao? Ông thấy cái nào có lợi hơn, ông thích ở gần người nào hơn, và người nào giúp cho ông nhiều hơn?

Đây mới chính là phép màu của đạo Phật nè cha, nhớ chưa!”

Thì đây cũng vậy. Khi đức Thế Tôn trình bày ba cái loại thần thông, Ngài nói cái loại thứ nhất là biến hóa tùm lum, loại thứ hai là hiểu được tâm người, thì ông nói:

“Hai cái loại này, chính con là người không có gì hết, con cũng thấy không có gì ghê gớm. Nhưng cái loại thứ ba con mới quý nè: là bản thân có đạo nghiệp, có thành tựu, có sở đắc, có sở chứng, và chia sẻ cái thành tựu, chia sẻ cái sở đắc, sở chứng ấy cho người khác, giúp người ta sống tốt hơn, dạy người ta, hướng dẫn người ta nên làm vậy, đừng làm vậy; nên suy nghĩ vậy, đừng suy nghĩ vậy; nên nói vậy, đừng có nên nói như vậy. Nói chung, hướng dẫn cho người ta có đời sống tam nghiệp trang nghiêm và thanh tịnh. Như vậy đối với con, đây mới là cái thứ thần thông mà được tự lợi và lợi tha.”

Các vị có nghe không?

Tha tâm thông

Và sẵn ở đây, chú giải có nói luôn: tha tâm thông là, đối với người không có thần thông, người ta có nhiều cách để hiểu tâm tư người khác.

Một là họ nhìn cái biểu hiện ở người khác, những biểu hiện: nhìn cách đi, cách đứng, cách ăn, cách nói, sắc diện biểu lộ, dựa vào các biểu lộ bên ngoài của người ta mà đoán được ý người ta.

Cách thứ hai là nghe câu nói của người ta là hiểu được ý người ta.

Cách thứ ba là do mình suy diễn, mình hiểu được ý người ta.

Và cái thứ tư là mình đắc chứng thiền định, thần thông, mình muốn biết tâm người ta.

Cái này nói ra hơi kỳ, nhưng kinh nói thì tôi nói, chứ bắt tôi giải thích thì làm sao được. Trong kinh nói muốn hiểu được lòng người ta thì bản thân người đó phải có kiến, ngã, ghi cái này rồi.

Trong kinh nói muốn thấy tâm người ta thì phải có thiên nhãn. Có thiên nhãn, vị đó mới nhìn thấu được cái cơ thể của người đó. Hễ tâm sân thì cơ thể người đó biểu hiện như thế nào, và tâm tham thì vị đó vui, vị đó buồn, thì vị đó trong người như thế nào.

Hôm nay ai đó có học về cái gọi là biology, mà nó kêu là Modern, gọi là sinh học hiện đại, người ta có nhìn nhận cái này. Người ta nhìn nhận rằng ở mỗi người, người ta có cái từ trường, có lượng điện đã đành; còn có cái bioplasma, khoa học họ nhìn nhận mỗi người có cái này. Khi mà anh nổi giận, khi anh sợ hãi, khi mà anh vui, khi mà anh thích, nói chung hỉ, nộ, ái, ố, thì mỗi lần anh có cái tâm trạng, cái cảm xúc gì đó, thì tự thân anh nó tỏa ra một vầng loại ánh sáng riêng. Có lúc thì nó trong sáng, rực rỡ; có lúc thì nó màu đục; có lúc nó màu đỏ rực; có lúc nó màu xanh xám v.v.

Thì người ta nhìn nhận rằng nó có cái đó. Và ở một cái người có thiện tâm, có nguồn đạo hạnh ghê gớm, có một khả năng hàm dưỡng kinh hoàng, thì dĩ nhiên là cái bioplasma nó sẽ đẹp hơn, nó sẽ mạnh hơn, mà trong đạo Phật gọi nó là tiếng Phạn nó là hào quang, chỉ vậy thôi.

Quý vị nào muốn có cái tha tâm thông là trước hết vị đó phải có thiên nhãn. Vị đó có thể nhìn thấy về cái thay đổi sinh học ở người đối diện. Rồi bên cạnh đó, vị đó hiểu

luôn là nhìn bằng mắt, nhìn bằng thiên nhãn, và lúc đó hiểu bằng trí; hiểu luôn là trong cái cơ thể này, với cái biểu hiện này của cơ thể, người này đang nghĩ cái gì.

Cho nên muốn có tha tâm thông, trong chú giải nói phải có thiên nhãn rồi mới có tha tâm thông.

Ở đây nói thêm, loài người thôi nghe. Còn người khuất mày khuất mặt, thí dụ như là A tu la, ngạ quỷ, dạ xoa, hay là chư thiên, Phạm thiên, thì cấu trúc sinh học của họ không giống mình, cho nên họ không cần bắt buộc phải có thiên nhãn. Mặc dù là những loài đó đều có thiên nhãn, nhưng nó không được kể là luật, bởi vì đó là chuyện đương nhiên, và cái khả năng nhìn thấy của họ nó cũng là thiên nhãn, nếu thích thì gọi.

Nhưng thiên nhãn nó có hai loại. Thiên nhãn do cái nghiệp tạo, nghĩa là mình sanh trong cái loài đó, tự nhiên mình có cái khả năng đó. Còn cái loại thứ hai có nghĩa là cái thiên nhãn này do tu tập thiền định mới có. Ở đây đang nói cái thiên nhãn do tu tập thiền định, nhớ nha.

Trong chú giải nói thêm, cái người tầng này không có thấy, không có hiểu được tầng kia. Thí dụ như về vật chất thì chúng sanh ở cõi thấp không thấy được chúng sanh cõi cao, đó là nói về vật chất. Thí dụ như nhân loại không nhìn thấy được chư thiên, mà chư thiên Tứ thiên vương họ không nhìn thấy được chư thiên cõi Đao Lợi, trừ khi chư thiên cõi Đao Lợi cố ý hóa hiện thô tướng cho thấy. Chư thiên Đao Lợi không thấy được chư thiên Dạ Ma, mà Dạ Ma không nhìn thấy chư thiên cõi Đâu Suất, rồi Đâu Suất không thấy được cõi Hóa Lạc, cõi Hóa Lạc không thấy được cõi Tha Hóa Tự Tại, mà cõi Tha Hóa Tự Tại không thấy được cõi Phạm thiên. Mà cõi Phạm thiên cõi thấp thì không thấy được Phạm thiên cõi cao, trừ khi người cõi cao muốn cho người cõi thấp nhìn thấy. Đó là nói về vật chất.

Còn nói về tâm thì người cõi dục chỉ hiểu về tâm của người cõi dục. Cho nên tầng thiền nào hiểu được tầng thiền đó, rồi tầng thánh nào hiểu được tâm của tầng thánh

đó. Mà cái này phải nói rõ, như tại sao Phạm thiên... Trong đây người ta nói rất rõ, hiểu là hiểu cái gì và không hiểu là không hiểu cái gì?

Khi nào Thế Tôn suy nghĩ về thiên định, về đạo quả, mà bằng cái trình độ của Ngài thì lúc đó quý vị A-na-hàm không hiểu, bởi vì Ngài là A-la-hán. Thứ hai, những vị A-la-hán Thanh văn thì chỉ hiểu được một phần chứ không hiểu hết, vì trình độ Thanh văn không hiểu như bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chứ còn những suy nghĩ không liên hệ đến đặc điểm của mỗi tầng thì người khác không biết được. Thí dụ như Thế Tôn Ngài đang ngồi, Ngài suy nghĩ: “Bây giờ ta đi đâu đó để gặp ai đó.” Lúc bấy giờ chư thiên biết. Tại sao? Vì suy nghĩ này nó không nằm trong cảnh giới của chư Phật, nói theo ngôn ngữ bây giờ là nó không nằm trong chuyên môn của Ngài thì ai cũng hiểu.

Thí dụ mình nói bác sĩ, khi mà ông nói chuyện thuộc về trình độ bác sĩ thì những người không có trình độ thuộc bác sĩ sẽ không hiểu. Nhưng mà nếu bác sĩ nói chuyện bình thường thì một thằng thất học nó nghe nó hiểu chứ. Thí dụ như ông nói là: “Bữa nay ở lại ăn cơm nha. Bữa nay ở đây có nấu canh chua, ở đây bữa nay có trái cây ngon ở Việt Nam mới đem qua.” Những câu nói đó, những đề tài đó thì thất học nghe cũng hiểu. Nhưng mà bắt đầu ông nói hơi sâu về ba cái vụ bệnh hoạn, thuốc men, giải phẫu, bằng những thuật ngữ bằng tiếng La-tinh, tiếng Hy Lạp gì đó, thì thằng dốt chỉ có chết thôi.

Chỗ này cũng vậy. Một vị A-na-hàm có suy nghĩ gì đi nữa thì vị Tư-đà-hàm có thần thông vẫn biết được, với điều kiện những suy nghĩ ấy nó không thuộc về những cảnh giới đặc trưng của vị A-na-hàm. Ví dụ như vị đó không suy nghĩ về cái thiên định của bậc A-na-hàm, không nghĩ về cái quả vị đạo của A-na-hàm, thì người khác có thần thông vẫn hiểu được, bình thường thôi, chuyện đó rất là bình thường. Khi mà vị A-na-hàm suy nghĩ về sở chứng, sở đắc của mình thì tầng thấp chỉ có chết thôi chứ không có thể nào hiểu được.

Tinh thần Phật pháp và thần thông

Như vậy tinh thần Phật pháp là gì? Tinh thần Phật pháp là nhằm đến cứu cánh giải thoát. Cái gì mà không có nội dung hướng đến giải thoát thì cái đó nó không được Thế Tôn đề cao. Cho nên Ngài kể ra cho ông nghe ba cái nội dung, ba cái thần thông.

Cái thứ thần thông thứ nhất có khả năng biến hiện từ từ thì nó có hai lý do không được Đức Phật tán thán. Một là cái loại thần thông này không giúp được gì cho việc tu hành giải thoát. Thứ hai là có những thứ bùa chú mà có thực hiện nhiều thứ tương đương với thần thông này. Thứ ba, ở trong Luật tạng có ghi một câu rất là nặng, đó là Đức Phật dạy rằng một Tỷ-kheo mà cố ý khoe thần thông của mình giống như là đàn bà vén váy lên cho người ta nhìn vào chỗ kín của mình vậy đó. Khủng khiếp như vậy.

Các vị nghĩ còn có gì bậy cho bằng một người đàn bà ăn mặc hở hang, chứ đừng nói là đem đi khoe. Một người có thần thông mà muốn cho người khác biết mình có thần thông thì cũng hết như một người phụ nữ mà khoe cái thân xác, cái chỗ kín đáo của mình vậy đó.

Cho nên nếu mà mình không có đọc trong kinh thì mình sẽ có những chỗ mình không hiểu: tại sao mà các vị A-la-hán có thần thông, muốn gì có nấy, mà tại sao phải đi bộ, rồi chịu nắng, chịu gió, mưa sương, rồi bị chúng chửi, rồi bữa đói bữa no, chỗ ở thì thôi dột chỗ này, lũng chỗ kia, gió lùa chỗ nọ. Tại sao người ta có thần thông, chỉ cần búng tay một cái là có cung vàng điện ngọc ở cho nó sướng, mắc gì mà phải ở với cái đám phàm phu tào lao phàm phu này, người ta bay về núi cao thanh vắng, sạch sẽ, trong lành.

Các vị có từng tới các vùng núi tuyết chưa? Các vị vô trong đó nó vắng vẻ mà không khí trong lành cực kỳ, hít thở no phổi, hoàn toàn yên tâm, mát lạnh, thơm ngát. Nếu tôi có thần thông tôi về đó ở, chứ mắc gì phải ở ngoài làng, ngoài phố, hít ba cái khói, cái bụi, rồi nghe dân chúng thị phi, rửa xả, mắng chửi nhau. Nếu mình thì chắc là không như vậy.

Trong kinh có câu: “Phật chỉ Phật tri, Thánh chỉ Thánh tri”, nghĩa là chỉ có Phật với Phật mới hiểu nhau, chỉ có Thánh với Thánh mới hiểu nhau.

Chuyện Ngài Ca-diếp đi trong đêm mưa

Trong kinh kể có một đêm tối trời mưa tầm tã, Ngài Ca-diếp từ ở phương xa về hầu Phật mà mình mảy ướt nhem à. Thì Đức Phật hỏi vì sao mà Ca-diếp lại ướt đầm như vậy. Ngài nói: “Tại lúc nãy mưa dữ lắm, con phải lội qua một dòng sông mưa trong đêm.” Đã sông, mưa, mà còn ban đêm nữa.

Đức Phật mới nói: “Từ nay về sau ta cho phép một năm như vậy Tỷ-kheo được quyền đi đứng gọn nhẹ trong ba tháng.” Tức là Tỷ-kheo lúc nào cũng có đủ tam y: y nội, y vai trái và y tăng-già-lê. Nhưng sau đó mùa an cư thì Tỷ-kheo được quyền, xin lỗi, trong vòng 5 tháng được quyền không có mang đủ tam y, chứ còn đi đứng phải cụp bị theo nó nặng nề quá.

Mình đọc cái đó bằng não trạng của một người phàm phu thì thấy kỳ: sao lục thông, tam minh, bốn trí vô ngại để ở đâu, để bây giờ ban đêm ban hôm mà y bát lùm xùm, mà phải lội qua một dòng sông mưa, phiền quá. Nhưng mà trong tâm trạng của một vị A-la-hán thì các Ngài khô, ướt có khác gì đâu. Và thứ hai nữa, các Ngài không thiết tha cái chuyện phải xài cái đó. Khi nào chuyện bất đắc dĩ, vạn bất đắc dĩ thì mới phải xài nó thôi, mặc dù đối với các Ngài chuyện sử dụng thần thông nó dễ ợt à.

Nhưng mà một người không còn tâm tham nữa, không còn thiết tha cái vấn đề tiện nghi nữa thì họ không còn bận tâm mấy cái chuyện khó hay dễ, nhanh hay chậm, họ không màng nữa.

Thí dụ nhà nghèo mình có được tí tài sản, mình thích lắm. Mình thích khoe cái đồng hồ, thích khoe đôi giày, mắt kiếng, dây nịt, bóp đầm, xách tay, quần này áo nọ, v.v. Nhưng mà cái thứ giàu tới đỉnh rồi, quý vị biết không? Nản lắm. Nhiều lắm là họ không muốn động tay động chân. Họ nuôi kẻ ăn người ở, có gì thì: “Lan à, lấy cái đó

cho bà nghe con.” Rồi khi nào muốn đi đâu thì: “Chú Hùng ơi, ra coi cái xe đưa bà đi chút nghe cậu.” Rồi xong.

Chứ còn người phàm mình mua chiếc xe về rồi thì kỳ cọ, chùi rửa bóng loáng, rồi ra vô nhìn ngắm. Tối nằm ngủ nghe tiếng này tiếng kia sợ người ta ăn cắp xe, sợ người ta cạy, sợ người ta gõ. Nói chung, cả đời mình nhà nghèo mới có được cái gì thì cắt ca cắt củm, rồi chăm sóc, rồi bận tâm, rồi quý cái này trọng cái nọ. Còn cái thứ mà nhà giàu, mà giàu lên tới đỉnh rồi, họ chỉ muốn yên thân họ thôi.

Quý vị biết không, lên ăn, họ ăn vừa miệng họ ăn, không vừa miệng họ nói người đầu bếp đổi món khác cho bà đi rồi họ đi vô họ nghỉ, không hề cần biết phải mua cái gì, nấu ra làm sao, vì họ yên tâm chắc rằng mọi sự sẽ suôn sẻ, bởi vì họ là nhà giàu.

Cũng vậy, một bậc hiền thánh dù có đắc tới gì đi nữa thì cái lòng của các Ngài nó đã buông xuôi hết rồi, thấy mệt quá.

Phật dạy: một miếng phân người, dù là một đồng lớn hay một miếng dính trên cái tấm xĩa răng, thì muôn thuở nó cũng là phân người. Một đồng phân lớn thì nó gồm theo cái đồng phân lớn, mà một miếng nó dính trên đầu cây tăm thì nó cũng đáng gồm theo kiểu đầu cây tăm. Có nghĩa là phân người thì lớn bé đều đáng gồm. Chỉ cần có mặt trong đời này thôi thì một giây nó cũng đáng gồm như là một trăm năm, nó đáng gồm như một trăm năm; một triệu năm nó cũng đáng gồm như một triệu năm. Có nghĩa là một triệu năm có mặt trên đời này nó cũng đáng chán như một giây, một giây phút có mặt trên đời này.

Ngài nói rằng: ta không có lý do gì ta tán thán, ta kêu gọi cái sự tiếp tục có mặt trên cõi đời này hết. Thử hỏi một người mà sống trong cái tâm trạng như vậy đó thì còn thiết tha gì nữa trong ba cái sự thần thông biến hiện?

Như vậy rốt cuộc cái nội dung, cái tinh hoa rốt ráo của đạo Phật là gì? Chính là giải thoát, buông hết đó. Phật từng có câu nói này: “Này các Tỳ kheo, trong bao năm hoằng đạo, ta chỉ nói có hai điều thôi, đó là ta xác định vạn hữu là khổ và ta đưa ra

con đường thoát khổ, chỉ vậy thôi. Ta không nói đến chuyện thứ ba.” Đây là nội dung bài kinh mà chúng ta vừa học.

Bây giờ bà con, tôi xin bài mới. À quên nữa, cái bài kinh nó được kết thúc như thế này. Khi mà Thế Tôn nói về ba cái loại thần thông thì ông Bà-la-môn có hỏi một câu như thế này:

“Con nghe ba loại đó là con mê rồi, con quý trọng rồi đó. Nhưng mà con xin hỏi, trong đệ tử Thế Tôn là có bao nhiêu vị có đầy đủ ba khả năng thần thông Ngài vừa nói, có nghĩa là biến hóa thông, tha tâm thông, rồi có khả năng giáo hóa thông, có nghĩa là dạy người cũng được giải thoát như mình?”

Thế Tôn nói: “Nhiều lắm, hằng trăm, hàng ngàn vị.”

Ông hỏi: “Ở đây có không?”

Thế Tôn nói: “Có, ngay trong hội chúng này, trước mặt ta đã có những vị đó.”

Quý vị hoan hỷ, ngay trong hội chúng, chung quanh Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn lúc đó là đã có rồi. Bây giờ ông nghe ông thích quá, xin Thế Tôn cho ông quy y.

Sở Y Xứ

Cái phẩm thứ hai, bài tiếp theo là bài Sở Y Xứ. Ở đây cái bài kinh tiếp theo nó quan trọng không thể nào tả xiết được. Bài kinh này giảng xong là tôi nghỉ được. Bài kinh này nó sâu lắm, sâu tới mức tôi muốn dời qua ngày mai luôn. Bài kinh này rất là sâu, bài kinh này sâu dữ lắm.

Và nếu bà con mà thích tụng kinh mỗi ngày, bà con cứ đọc cái bài kinh này thôi. Thay vì mà cầu oai lực Tam Bảo, chư thiên hộ trì cho con v.v. thì thôi dẹp đi nha. Các vị đọc giùm tôi cái bài kinh này là coi như, đọc chỗ nào không hiểu thì làm ơn đi hỏi giùm nha, là các vị trở thành Phật tử thứ thiệt. Bài kinh này thôi.

Mà nó khổ ở chỗ là Phật tử Việt Nam mình lại sợ kinh căn cho nên không dám cầm kinh. Cứ là vô chùa, tăng ni ban cho cái gì thì là đội về thờ có bao nhiêu đó thôi, làm chuột bạch. Chứ cái này quý vị tự nghiên cứu nó sướng như tiên mà không có chịu.

Đây, bài kinh đó nó sâu chỗ này. Ở đây Ngài cho mình biết rằng trên đời này có ba quan điểm sau đây, và vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh trong vô lượng vũ trụ ấy nó cứ quần quanh trong ba cái quan điểm này.

Quan điểm thứ nhất: cái gì cũng do nghiệp quá khứ

Một cái hạng thứ nhất cho rằng đời này tất cả đau khổ, hạnh phúc trên đời này nó đều là do nghiệp quá khứ mà có. Cái giống gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ.

Tôi biết rất là nhiều người biết đạo nói chuyện như vậy. Họ làm bậy mà họ nói là: “Thôi kệ, cái nghiệp con. Không biết con nghĩ làm sao mà hôm bữa con làm như vậy nữa. Thôi kệ, cái nghiệp!” Họ nói mình nghe mình nổi điên luôn. Họ làm cái chuyện gì họ cũng đổ cho cái nghiệp, rồi họ bị cái gì cũng đổ cho nghiệp.

Ăn uống tầm bậy rồi bị cao mỡ, cao đường, dư đường, dư cholesterol mà họ cũng đổ thừa: “Tại cái nghiệp con chịu vậy thôi.”

Tôi hỏi: “Nghiệp gì kỳ vậy?”

Họ nói là: “Tại vì cái nghiệp nó khiến cho con phải có hoàn cảnh như thế này thế kia, rồi ăn uống thất thường, bạ đâu ăn đó nên con bị bệnh.”

Họ nói có lý, nhưng mình ngồi ngẫm lại, cái đó mình né được hay không?

Cái giống gì mà mở miệng ra cũng do nghiệp quá khứ. Trong đây Phật dạy: “Này các Tỳ kheo, nếu mà cái gì mình cũng đổ cho nghiệp quá khứ mà mình không kể cái nghiệp hiện tại, như vậy các người tu hành làm cái gì? Cứ ngồi yên đó chờ nghiệp quá khứ, cần gì tu?”

Đó là điều vô lý thứ nhất.

Cái vô lý thứ hai: nghiệp quá khứ là gì? Dạ kính thưa, nghiệp quá khứ chính là nghiệp hiện tại đã qua, phải vậy không? Nếu ngay bây giờ mà tôi không tu thì ngày mai tôi sẽ có một cái nghiệp quá khứ không tu, có đúng như vậy không?

Nó khổ cái là nói không biết người ta có hiểu không, giống như nói pháp trong nghĩa trang, khổ quá khổ!

Tôi nhắc lại, Ngài dạy rằng nếu như cái gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ thì nó có hai cái bậy. Cái bậy thứ nhất là mình tu hành làm cái gì, mình ngồi yên chờ nó tới đi, cái gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ. Cái bậy thứ hai, làm gì có nghiệp quá khứ nếu không có nghiệp hiện tại.

Cho nên bây giờ tôi không có làm cái gì hết, tôi cứ ngồi chờ cho cái nghiệp quá khứ nó trở. Kiếp quá khứ tôi cũng vậy, quá khứ tôi không có tu hành, tôi cứ ngồi chờ cho cái quá khứ trước nữa nó trở. Thì quý vị nghĩ coi, quý vị hình dung cái con người của tôi.

Bây giờ ở đây mà 10 giờ 12 phút ở Virginia, ví dụ, tôi không làm cái gì hết, tôi cứ ngồi chờ sung nó rụng. Tôi không có giới, không có định, không có tuệ, không có tín, tấn, niệm, định, tuệ, không có tín, thí, giới, văn, tầm, úy, thí. Tôi không có một cái thiện pháp, tôi không có một cái tu trì, không có một hàm dưỡng, không có một nỗ lực, không có một cái tinh tấn gì hết đó. Tôi ngồi tôi chờ nghiệp quá khứ, thì tôi hỏi quý vị ngày mai, ngày mốt, rồi kiếp sau tôi có cái gì để tôi hưởng đây? Tại vì ngay bây giờ tôi đang ngồi tôi chờ nghiệp quá khứ mà.

Như vậy khi mình nghĩ mọi thứ đều do nghiệp quá khứ là mình mắc vào hai cái bậy. Cái bậy thứ nhất là dẹp luôn khỏi tu hành gì, cứ ngồi chờ thôi, rồi cái gì cũng đổ cho nghiệp quá khứ. Thứ hai, mình quên một chuyện vô cùng quan trọng: nghiệp quá khứ thực ra nó chính là nghiệp hiện tại đã qua. Cho nên mà đổ cho quá khứ mà quên cái hiện tại là không được. Nhớ cái đó rất là quan trọng.

Thậm chí người ta còn nói cái này: “Tương lai đã đi vào quá khứ của ta từ rất lâu rồi.” Chứ mình đừng nghĩ...

Tương lai là cái mà mai một mới tính. Sai!

Tương lai là cái đi vào quá khứ rất lâu. Ví dụ như mười năm trước, tôi nghiện ngập, chích hút, say sưa chè chén. Đó là quá khứ, đúng không? Cho nên tháng sau này tôi đi xét nghiệm, bác sĩ nói tôi bị ung thư gan, ung thư phổi. Như vậy cái chuyện tháng sau tôi bị ung thư là chuyện tương lai không? Đúng. Nhưng mà vì mười năm trước tôi đã có một nếp sống unhealthy, không có lành mạnh, cho nên tháng sau này tôi bị bệnh. Thì đúng cái câu người ta nói: tương lai thực ra nó đã đi vào quá khứ rất lâu rồi là như vậy.

Đó là cách nói. Nhưng mà nói cho rõ ràng, gọn gàng, thì thực ra quá khứ và tương lai nó ngay chốc bây giờ nè. Nếu bây giờ mà tôi ngon lành, tu tập ngon lành, thì ngày mai tôi sẽ có một quá khứ ngon lành, ngày mai tôi sẽ có một hiện tại ngon lành. Nếu bữa nay là ngày thứ tư nè, mà tôi tu tập ngon lành, thì ngày mai tôi vừa có được một cái hiện tại ngon lành, mà tôi vừa có một quá khứ ngon lành. Là vì sao? Vì ngày mai là ngày thứ năm. À, mình đã có một ngày thứ tư ngon lành, như vậy ngày thứ tư có phải là quá khứ không? Và đồng thời ngày mai tôi cũng ngon lành là vì cái quả lành của hôm nay, cái nhân lành của hôm nay nó sẽ giúp cho tôi ngày mai, thí dụ vậy, hoặc là kiếp sau như vậy.

Cho nên vấn đề của đạo Phật: nếu ngay bây giờ, mỗi giây phút hiện tại mà mình không có vui thì cả đời quý vị sẽ vui lúc nào? Nếu ngay giây phút hiện tại ta không sống thiện thì xin hỏi quý vị sống thiện vào lúc nào?

Cho nên Ngài nói trong vô lượng vũ trụ và hết thảy chúng sanh, suy nghĩ, nhận thức về cuộc đời nó có ba đường thôi. Một là cho cái gì cũng do tiền nghiệp quá khứ. Ở đây là một cái thứ hiểu lầm đáng tiếc.

Cái hiểu lầm thứ hai, Ngài nói là có những kẻ cho rằng mọi thứ đau khổ và hạnh phúc là do một cái đấng tối tôn nào đó tạo ra. Ngài nói đây là một cái sai nữa. Là bởi vì, này các Tỳ-kheo, nếu mà có một đấng chí tôn nào đó sáng tạo muôn loài, thì ta nói rằng ông đó ổng cực kỳ tàn nhẫn. Ổng đã tạo ra một thế giới đầy bất toàn, bất trắc và bất toại. Ổng tạo ra một thế giới vui ít, khổ nhiều. Ông đó quá ác, quá sức ác và quá ngu xuẩn, vừa ngu vừa ác. Tạo ra chỉ một cái thế giới mà vui ít, buồn nhiều, một cái thế giới bất toàn, bất trắc và bất toại. Cho nên nói là mọi thứ do một đấng chí tôn nào đó tạo ra lại là một suy nghĩ không nên có.

Cái suy nghĩ thứ ba, bấy nhất, cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có, không có do một cái luật nhân quả nào can thiệp hết. Nghĩa là mọi thứ nó ngẫu nhiên mà có. Đám mà thành kiến nặng nó cho là mọi thứ ngẫu nhiên mà có và chết rồi là hết. Ngài nói cho mình biết đây là ba cái nhận thức sai bét, mình phải xét lại.

Tại sao mà tôi nói bài kinh này sâu? Là vì ngoài cái đoạn này ra nó còn khúc dưới lạnh xương sống nữa, nhưng mà ở đây mình nói đoạn này trước đi.

Đa phần Phật tử mình nghe ba mớ về nghiệp báo, nghe ba mớ về lý nhân quả cũng khoái cái vụ này lắm, khoái cái vụ cái giống gì cũng đổ cho nghiệp. Tôi quay lại tôi nói, Phật tử không đến nỗi mà tin vào đấng chí tôn, không đến nỗi tệ mà cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên. Nhưng mà khổ một chỗ, Phật tử mình hiểu về nghiệp lý có vấn đề: cái giống gì cũng đổ cho nghiệp.

Trong khi bà con làm ơn ngó lại đời sống hiện tại, về tinh thần, về vật chất, bà con sống có chuẩn chưa? Thực chất ăn uống có hợp lý chưa? Sinh hoạt, giờ giấc, tư thế sinh hoạt có OK chưa?

Tôi nói ăn uống, thuốc men, giờ giấc, sinh hoạt, tư thế sinh hoạt nè: ngồi nhiều quá, đi nhiều quá, đứng nhiều quá, nằm nhiều quá cũng có vấn đề. Ăn nhiều quá một thứ, ăn quá ít một thứ cần thiết cũng là có vấn đề. Rồi nắng gió, mưa sương. Tất cả những điều kiện thời tiết khí hậu, trong những hoàn cảnh đó ta sống ra sao?

Giấc khuya 2 giờ nổi khùng ra ngoài gốc cây ngồi thiền, không bị bệnh mới lạ, rồi cứ đổ thừa cho nghiệp là sao? Qua lộ không nhìn ngó để cho nó tông chết ngắc rồi đổ thừa cho nghiệp là sao? Cho nên các Phật tử phải nhớ cái đó.

Rồi có một trường hợp Phật tử nữa cũng rất là đáng trách, đó là tin tưởng chư thiên, tin tưởng vào oai lực Tam bảo một cách quá đáng, cái gì cũng cầu nguyện. Các vị làm ơn nhớ cái câu này của Tây: “Lời cầu nguyện trong lúc nguy cấp không phải để thoát nạn mà để ta có được sự bình tĩnh trong lúc lâm nạn.” Cầu nguyện trong lúc lâm nạn là để ta có được sự bình tĩnh, chứ đừng nghĩ ta cầu đó ta thoát nạn. Bởi vì mười lần cầu có được một lần thoát hay không, nhưng mà cái cầu để mà được bình tĩnh thì cái đó mình thấy nó là possible.

Tôi đã nói nhiều lần, trong tất cả tình huống, người nào bình tĩnh thì cơ hội giải quyết vấn đề nó sẽ lớn hơn cái người thiếu bình tĩnh.

Sẵn nói về nghiệp, tôi nói luôn. Ân đức Tam bảo là vô bờ, nhưng mà vô bờ đây có nghĩa là đức Phật, ân đức của Ngài đúng là vô bờ, vô lượng vô biên, đúng. Nhưng không có nghĩa là mình gặp nạn mình cầu Ngài. Vì nếu mà Ngài có thể phù hộ cho mình, thì Ngài không phù hộ cho dòng họ Thích-ca không bị tàn sát? Tại sao Ngài không phù hộ cho Ngài Mục-kiền-liên đừng bị cướp giết? Tại sao Ngài không phù hộ cho bà Udpala, đệ nhất thần thông bên ni, đừng bị người ta cưỡng hiếp? Tại sao Ngài không phù hộ đi? Biết bao nhiêu chúng sanh thời đức Phật bị nạn, sao Ngài không phù hộ?

Cho nên mình cứ cảm đầu mình cầu Tam bảo mà mình quên một cái chuyện là bao nhiêu người thời đức Phật, trước mặt Ngài dĩ nhiên không có chuyện gì rồi đó, nhưng mà khuất mặt Ngài thì biết bao nhiêu là tai họa.

Trong kinh có nói như thế này, đức Thế Tôn có nói thế này. Đức Thế Tôn, bậc Chánh đẳng Chánh giác có cái đặc biệt là trước mặt Ngài thì không có một cái đại họa nào xảy ra hết, không có ai bị nạn trước mặt Ngài, cái đó có. Bản thân Ngài gặp nạn thì

được, nhưng mà trong mắt Ngài, không vì ai hại ai trong mắt của Ngài. Trong cái nhục nhãn đó, thiên nhãn của Ngài không có giới hạn thì không có nói nha, nhưng trong cái nhục nhãn của Ngài không có chuyện xấu xảy ra được. Kinh ghi rõ vậy, và tôi cũng tin chuyện đó. Ngài phước nhiều lắm, cho nên thôi chuyện đó khi khác mình nói.

Đang nói là Ngài không có chuyện phù hộ cho ai hết. Mỗi người phải nhờ vào cái phước của mình. Nếu quý vị nói Ngài có thể phù hộ thì biết bao nhiêu người khổ, bản thân Ngài và vô lượng chư Phật quá khứ...

Không phù hộ cho người ta đi, mà để cho chúng sanh nó khổ đau trùng trùng. Vậy là sao?

Cho nên đối với Tam Bảo, mình phải hiểu oai lực Tam Bảo là pháp hộ trì người hành pháp, có nghĩa là Phật dạy đạo cho mình, mình hành theo lời dạy của Phật thì mình được sự hộ trì. Hộ trì ở đây là gì? Một là có thể nhãn tiền mình được cái gì đó, còn hai là khi mình nhắm mắt xuôi tay, mình ra đi trong sự thanh thản; và chết rồi mình cũng được về cõi lành. Đó gọi là pháp hộ trì người hành pháp.

Chư Phật ba đời mười phương chỉ dạy đạo cho mình, và mình phải đi bằng đôi chân của mình. Mình phải tự mình thấp đuốc mà đi. Các Ngài chỉ cho mình cái bản đồ thôi. Các Ngài cho mình bản đồ, còn mình có khuynh hướng đốt bản đồ thành tro, trộn với mật vò viên mà nuốt, cái đó là sai, sử dụng sai bản đồ. Bản đồ là phải banh nó ra, rọi đèn lên, quan sát tọa độ, định vị, rồi theo đó mà đi. Đó là biết cách xài bản đồ. Còn cái kiểu mình bây giờ là đốt bản đồ, trộn với mật vò viên mà nuốt, cái đó là sai.

Cho nên ở đây, người Phật tử hiểu nghĩa lý phải hiểu cho nó tới nơi. Không ai hại mình cho bằng cái ác nghiệp của mình. Không ai hại mình bằng cái tâm ác của mình. Người mà tạo ác nghiệp rồi, đêm ngày ngủ trong cái sự ám ảnh của ác nghiệp.

Quý vị hỏi kinh nào nói? Dạ, kinh Hiền ngu trong Trung Bộ, làm ơn mở ra coi cái này nha. Trong kinh Pháp Cú nói:

“Kẻ nào làm ác thì đời đời đi tái sanh, nghiệp ác xưa chờ đón như kẻ thù chờ sẵn.”

Có nghĩa là ngày xưa mình làm ác nghiệp, đời đời mình đi đâu là cái nghiệp ác nó chờ, giống như kẻ thù nó chờ mình ra là nó phạt mình thôi! Còn cái kẻ làm được các công đức, đi tái sanh cõi này, cõi nọ, đời đời được phước lành nó chào đón như người thân chào đón người xa mới về. Nhớ hai câu này.

Một người tạo nhiều ác nghiệp, dù sanh ra cõi nào thì nghiệp ác nó chờ như kẻ thù chờ sẵn. Còn người tạo nhiều phước báo thì đi tái sanh cõi nào, phước lành chờ sẵn như người thân chờ đón kẻ xa mới về.

Lẽ ra là bắt đầu nó hưởng rồi. Sẽ có người trong Zoom hỏi tôi câu này, tôi hỏi giùm cho quý vị luôn. Các vị nói rằng tôi từng nói: người chưa biết đạo không phân biệt thiện ác, muốn làm thì làm. Hạng thứ hai, biết được đạo rồi, biết ba mớ thì lánh ác, hành thiện, mà với mục đích trốn khổ tìm vui. Còn hạng thứ ba là chán khổ, chán vui, vì nhìn đâu cũng thấy khổ; khổ cũng chính là vui mà vui cũng chính là khổ, hai đũa đó là một. Cho nên khổ, vui là đều vô ngã, vô thường giống nhau, thì thiện ác cũng đều giống nhau ở điểm là nhân sanh tử.

Nhưng tại sao đến cái hạng thứ ba mình vẫn tiếp tục hành thiện, lánh ác? Bước một là mình thiện ác bất phân thì không nói, cái thứ đó tệ quá. Còn cái hạng thứ hai là lánh ác, hành thiện, chỉ có mục đích là trốn khổ tìm vui. Cái hạng thứ ba lánh ác, làm thiện y như hạng hai vậy đó, nhưng với mục đích là chấm dứt thiện ác, buồn vui, có nghĩa là không có sanh tử nữa.

Các vị nhớ chỗ này, chứ không quý vị nói: “Ông khi thì nói thiện nên làm, hồi thì nói thiện ác giống nhau.” Xin nhớ nhe, giống nhau là giống cái gì? Giống nhau ở cái điểm là cả hai đều là nhân sanh tử. Còn cái điểm khác nhau là nhân ác nó đưa mình đi

trong sinh tử trong điều kiện bất toại, bất toàn, bất đắc. Còn cái nhân thiện nó đưa mình đi luân hồi trong cái chỗ như ý.

Thăng Mỹ có câu hay lắm: “Tiền không thể mua lại hạnh phúc, nhưng mà tiền cho bạn khả năng lựa chọn kiểu đau khổ.” Thì phước báu cũng vậy. Phước báu chưa hẳn đem lại hạnh phúc cho mình, nhưng ít ra mình có phước, mình có quyền lựa chọn kiểu đau khổ.

Ví dụ bây giờ tôi phước báu nhiều, tôi qua Miến Điện tôi tu, tôi tu thiền. Người ta cho quý vị ăn cái gì thì ăn cái đó, cho cái phòng như thế nào thì chấp nhận cái phòng đó. Tôi ví dụ tôi là một đại gia thì khác. Tôi vô trong đó mà tôi thấy thức ăn dỏm quá, phòng dỏm quá, tôi bèn lên tôi nói thiệt với Ngài thiền sư:

“Bây giờ tình trạng của con không có kham nổi, thì thôi bây giờ con xin con ở ngoài, rồi mỗi sáng bảy giờ tới khóa thiền đại chúng, con mới xin phép con vô được không?”

Thì tôi nghĩ chắc thiền sư nào cũng gật đầu hết, tại vì cái chuyện hợp lý quá mà. Nó ở đâu kệ cha nó, bây giờ nó vô thôi.

“Thỉnh thoảng con xin phép thiền sư, thay vì con uống nước chiều chung với đại chúng thì thôi, lúc đó có người nhà của con họ cho con loại nước khác, thì cho con lên ra ngoài con uống ngoài hè được không?”

Thì thiền sư cũng gật chứ tội gì cấm.

Như vậy quý vị thấy không, tôi cũng đi tu thiền, tôi cũng chánh niệm, nhưng mà tôi có phước cho nên tôi ở ngoài chứ không ở thiền viện. Tôi thuê một cái phòng to đùng, hoành tráng ở ngoài đó, có máy lạnh, có dĩa theo cái bà đầu bếp người Việt Nam. Tui là người miền Trung thì bả nấu theo miền Trung, tôi là người miền Nam thì bả nấu đồ miền Nam.

Sáng bà đi với tôi vô thiền viện, bà thấy tôi ngồi trong đó xong xuôi rồi, xong bà kiểm chỗ bà ngồi; không, bà đi về nhà, bà chuẩn bị cơm trưa. Tối giờ đại chúng ăn trưa ở thiền viện, tôi đi ra ngoài, tôi về cái villa của tôi tôi ăn cơm trưa. Xong tôi trở vô, tôi thiền với đại chúng tới chiều. Lúc đại chúng uống nước, tôi về cái villa tôi uống yến, uống sâm, được không? Quá được đi chứ.

Xong tôi ngồi thiền tiếp tới tối, đại chúng trở vô cái phòng hơi rình, ẩm mốc, không điện, không quạt máy, không nước, không có nước nóng, không có nước tắm, xài vòi công cộng. Còn tôi trở về cái villa có nước nóng tôi tắm, có nước ngâm chân, có người xoa bóp. Thì thay vì cái thiền viện người ta quán khổ: nực à, ngứa à, bụi à! Còn tôi thì tôi quán: sướng à, mát à, ấm à, êm à.

Các vị thấy chưa? Thì cũng là tu, nhưng tôi quán lạc, còn họ quán khổ. Quý vị nghĩ sao?

Cho nên đúng là mình phải hành thiện, lánh ác. Nhưng mà mình không giống cái người thiếu phước ở chỗ là người ta chỉ có một lựa chọn thôi, nghĩa là cảnh tới đâu thì tu tới đó. Còn mình có phước nhiều, mình có điều kiện hơn.

Như Ngài A Nan, Ngài Ca Diếp, Ngài Mục Kiền Liên, Ngài Xá Lợi Phất cũng tu, cũng đắc, nhưng mà điều kiện người ta đắc làm sao? Nó êm ru à. Ngài Xá Lợi Phất tự nhiên đang đi trên đường cái, gặp Ngài A Sa Chí, Ngài phán có một câu cái đắc Tu-đà-hoàn. Rồi tới hồi đi theo Phật được đâu có một tháng, đang đứng hầu, nghe thuyết pháp cho người ta, đứng nghe ké cái bèn đắc A-la-hán luôn, không có cái vụ mà rừng

Sâu núi thăm, rồi nắng gió mưa sương, rồi ma thiêng nước độc, lam sơn chướng khí. Như vậy, tiền không thể đem lại, không bảo đảm đem lại cho mình hạnh phúc 100%, nhưng ít ra đồng tiền nó giúp cho mình quyền lựa chọn kiểu đau khổ, cái này thì chắc à.

Thì công đức cũng y chang như vậy. Trước đây ta hành thiện lánh ác là vì ta trốn khổ tìm vui, còn bây giờ ta hành thiện lánh ác là để không có còn khổ, không còn vui nữa,

nó khác tí ti đó thôi. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi cái ngày đạo quả viên mãn, đạo nghiệp cáo thành, thì trong thời gian chờ đợi ấy ta cũng có những bước đường luân hồi tương đối nó êm ái. Cũng đi trên con đường ấy, nhưng mà kẻ có dép, có giày vẫn tốt hơn là đi chân không. Rồi đôi dép, đôi giày như ý thì cũng tốt hơn là mang đôi dép tổ ong, đôi dép nhựa, đôi dép tổ ong nó bằng nhựa trắng trắng, nó có lỗ lỗ đó, nó vẫn hơn chứ. Cho nên nhớ cái này.

Rồi bây giờ qua cái vụ khác, cũng trong kinh này luôn. Sau khi Ngài nói về ba cái vụ nhận thức.

Thứ nhất, khổ vui ở đời đều do nghiệp quá khứ. Ngài nói cái đó hiểu vậy là sai, nó cũng có nhân xưa, nhân nay.

Thứ hai, khổ vui ở đời do cái đấng trời ơ nào đó tạo ra. Cái này sai dữ dội nữa. Bởi vì nếu có cái đấng đó thì đấng đó ngu thiệt, vừa ác vừa ngu, đã tạo ra cái thế giới bất toàn.

Thứ ba, cho rằng mọi thứ là ngẫu nhiên mà có, không nhân duyên gì hết. Nhận thức ngu nhất.

Bỏ qua.

Tiếp theo, Ngài mới giảng rằng giáo pháp của Ngài không cực đoan. Có nghĩa là khi mình cho rằng mọi thứ chỉ là do nghiệp quá khứ là cực đoan thứ nhất. Cực đoan thứ hai, mọi thứ là do cái đấng nào đó an bày, ban phúc tha tội, thưởng phạt như ý của Ngài, thì đây là cái cực đoan thứ hai. Mà cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có, đây là cực đoan thứ ba.

Ở đây Ngài nói: Không, đạo của ta không có cực đoan như vậy, và ta nói rất rõ rằng thế giới này nó không thuần vật chất, không chỉ thuần tâm linh, mà ta nói thế giới này nó gồm cả hai. Nếu thế giới này nó có A, có B, có sáng, có tối, thì ta không thể nào nhận định, đánh giá, nhận thức một chiều phiến diện được. Bởi vì cách nghĩ mọi thứ

đều do nghiệp quá khứ là một cách nghĩ phiến diện; cho rằng cái thứ gì cũng được một cái đấng trời ơ nào tạo ra là suy nghĩ phiến diện; mà cho rằng mọi thứ ngẫu nhiên mà có lại là một suy nghĩ vừa phiến diện vừa thiếu cơ sở.

Ngài nói rằng đạo của ta không có phiến diện, mà nhiều lần ta đã nói rằng vạn hữu ở đời này nó có từ sáu thành tố sau đây. Người mà hiểu được rằng mọi thứ ở đời đều có được từ sáu thành tố này, người nào hiểu được cái đó thì lập tức bỏ liền ba cái quan điểm cực đoan vừa nói.

Ba cái quan điểm cực đoan đó là gì? Một, cái gì cũng do nghiệp quá khứ. Thứ hai, cái gì cũng được cái đấng trời ơ nào đó tạo ra. Ba, mọi thứ ngẫu nhiên mà có. Ngài nói không phải, cả ba đều sai.

Muốn né được ba cái nhận thức sai lầm này thì con phải luôn luôn nhớ rằng mọi thứ ở đời do sáu cái nhân tố sau đây mà có. Khi mà con nhớ được, biết được sáu nhân đó là gì gì, thì con luôn luôn nhớ được điều đó, thì con không mắc vào các cực đoan kia.

Sáu nhân tố đó là đất, nước, lửa, gió là bốn, hư không là năm, và thức là sáu. Đây là sáu đại, gọi là lục đại đó. Thường là mình chỉ học lục đại vật chất chứ không có học lục đại pháp giới. Lục đại pháp giới là phải kể thêm hư không và thức.

Tại sao có hư không? Vì hư không chính là khoảng cách giữa bốn đại. Chứ nếu mà không có cái hư không này thì làm sao có sự phân biệt giữa A và B, C và F. Cho nên ở đây mình phải nhớ bốn thành tố này tạo nên thế giới này và cấu tạo luôn cả chúng sanh.

Và dĩ nhiên có lúc các vị sẽ thấy rằng cái nhân tố tạo ra thế giới này có bốn. Thì lúc khác Ngài sẽ giải khác: bốn là nghiệp, là tâm, là điều kiện thiên nhiên, là điều kiện vật thực. Đó là lúc khác Ngài sẽ nói cái đó. Nhưng ở đây Ngài lại nói sáu.

Sẵn đây tôi nói luôn, Phật tử mình hay nghe nói tứ đại là chỉ biết tứ đại vật chất thôi, là đất, nước, lửa, gió, chứ mình không biết lục đại pháp giới. Lục đại pháp giới là

phải kể thêm: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Cái này gọi là lục đại pháp giới, còn cái kia gọi là tứ đại vật chất.

Giống như uẩn, Phật tử mình đa phần chỉ biết năm uẩn sắc thân thô, có nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi là ngũ uẩn sắc thân. Còn ngũ uẩn pháp thân là gì? Là giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn; gọi là ngũ uẩn pháp thân. Sẵn đây mình học luôn cho biết luôn. Cái này tôi giải thích ngày hôm qua rồi.

Thì thôi, bây giờ mình đang trở lại lục đại pháp giới, có nghĩa là một người hiểu vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh được cấu tạo bởi sáu đại này. Chứ không phải là khi mình hiểu mọi thứ do nghiệp mà có là mình đã quên rồi. Sáu đại lận.

Thí dụ như mình bây giờ cứ nói cái gì cũng do nghiệp quá khứ, mà mình quên rằng trong sinh hoạt, mình ăn uống tầm bậy, nó làm cho tứ đại bất hòa. Mà hễ tứ đại rối loạn thì ta bèn bị bệnh thôi thừa quý vị. Sinh hoạt không hợp lý, thuốc men không hợp lý, uống ăn không hợp lý thì coi như gây xáo trộn trong bốn đại. Mà hễ bốn đại bị xáo trộn thì bèn bất an. Mà hễ long thể bất an thì long sàng có rệp. Cái chuyện xưa nay mình phải hiểu là coi như xốn xang, ray rứt, ngủ không được. Chuyện đó rất là đơn giản như vậy. Cho nên đừng có đổ hết mọi thứ cho nghiệp quá khứ.

Và thứ hai, nếu sáu cái này là sáu thành tố cấu tạo ra vũ trụ và chúng sanh, thì coi như chỗ đứng của cái ông trời ời mà sáng tạo muôn loài coi như không có. Là bởi vì mọi thứ là do sáu cái này tạo ra. Thức ở đây là gồm thiện và ác, phải hiểu ngầm nha.

Cái thứ ba, nếu mình hiểu mọi thứ là do sáu đại tạo ra thì làm gì có chuyện mọi thứ do ngẫu nhiên mà có.

Cho nên Ngài xác định ở đây: nếu một khi mà ta chấp một trong ba cái cực đoan, là bởi vì ta không hiểu rằng cái cấu tạo của vũ trụ và chúng sanh nó gồm tối thiểu là sáu thứ này, tức là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Nhớ cái đó quan trọng lắm.

Chưa hết, đối với một số chúng sanh mà mình nói rằng thế giới này nó chỉ có, nghe Ngài nói thế giới này do các duyên mà có, họ hiểu rồi, đủ rồi, đặc liền. Nhưng có chúng sanh nghe vậy họ chưa có phê gì hết, Ngài mới nói toàn bộ vũ trụ và tất cả chúng sanh nó chỉ nằm ở trong hai thứ danh và sắc. Có một số trường hợp Thế Tôn không nói vậy mà Ngài nói.

Rằng toàn bộ vũ trụ và chúng sanh chia ra gồm có ba thôi: là thiện, ác và vô ký. Họ nghe như vậy họ mới hiểu.

Rồi có một số chúng sanh, Ngài nói vô lượng vũ trụ và chúng sanh chỉ nằm trong năm uẩn. Hoặc rồi có lúc Ngài nói rằng trong sáu căn, trong mười hai xứ. Có lúc thì Ngài nói vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh nằm trong con số mười tám thôi. Ở đây mình đang học đó, có nghĩa là sáu căn, sáu cảnh và sáu thức.

Có chỗ Ngài nói rằng vô lượng vũ trụ nó chỉ gồm có sáu tướng thôi, gồm có sáu xúc thôi, sáu tư thôi, sáu thọ thôi, sáu ái thôi, chỉ nằm trong chùng đó thôi. Ngài nói vậy cũng được, hoàn toàn chính xác và cực kỳ đầy đủ. Ngài nói thế giới này chỉ nằm trong sáu tướng thôi, đúng, không sai: sắc tướng, thanh tướng, vị tướng, khí tướng. Tất cả đều nằm trong sáu tướng, nằm trong sáu thức, nằm trong sáu thọ hoặc nằm trong sáu ái. Hoàn toàn chính xác, không có sai.

Có nghĩa là thế giới này nó quần quanh trong sáu trần. Tôi giảng cái này riết tôi nhục, tôi nghĩ nó quá nhàm rồi. Bây giờ tôi ví dụ một cái cho vui thôi: vô lượng vũ trụ và chúng sanh trong đó, từ hạt cát, cọng cỏ cho đến mặt trăng, mặt trời, tất cả đều nằm trong sáu căn, sáu trần. Con ong, cái kiến, cho đến Ngọc Hoàng, Thượng Đế, Thái Thượng Lão Quân, Diêu Trì Vương Mẫu, Đại Thiên Ác, Thiên Tử, Chánh Đẳng Chánh Giác, tất cả cũng đều nằm ở trong sáu căn và sáu trần, đúng không?

Tôi chứng minh. Thí dụ như mặt trời nó xa thiệt đó, mình không có rờ được nó, nhưng nó vẫn nằm trong sáu căn và sáu trần, đúng không? Đúng chứ! Là vì mặt trời mình không có rờ được, mình không có ngửi được, mình không có nghe được âm

thanh của mặt trời, nhưng ít ra mình thấy được nó và mình có thể suy tư về nó. Như vậy, mặt trời nó xa như vậy nhưng nó vẫn là sắc trần và pháp trần đối với chúng ta, đúng không?

Rồi chư Phật, dù hôm nay trước mắt mình không có vị Phật nào, nhưng mình vẫn có thể suy tưởng về ba mươi hai hảo tướng đại nhân, suy tưởng về đức lành của chư Phật, trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, được chứ. Suy nghĩ về nhất thiết trí, về đại bi trí, về song thông trí, được chứ. Mình biết qua kinh đó.

Cho nên những chuyện, những người, những vật, những cảnh xa xôi ngàn dặm, đã thuộc về quá khứ hay thuộc về tương lai, thì ít ra nó cũng thuộc về pháp trần, nó cũng nằm trong suy nghĩ của mình. Cho nên ở trên đời này hề có cái gì đó thì cái đó dứt khoát phải nằm trong sáu trần. Đã nói là cái gì thì nó phải nằm trong sáu trần, trừ ra không có thì thôi. Hề có cái gì thuộc về tinh thần, vật chất thì cái đó đều thuộc về sáu trần.

Cho nên đức Thế Tôn Ngài nói, nếu mà con chịu hiểu rằng thế giới này nó có cả tâm và vật, nó có cả tinh thần và vật chất, nó có cả sáu căn, sáu trần, nó có cả đủ lực đại pháp giới, thì con không có ngu gì mà con cực đoan khi con cho rằng mọi thứ là do tiền nghiệp quá khứ, mọi thứ là do một đấng trời ơi nào đó tạo ra, mọi thứ do ngẫu nhiên mà có. Nếu con hiểu được bản chất thế giới này nó đầy đủ như vậy thì con không có cái nhìn phiến diện nữa.

Cái khổ của phàm phu là gì? Là phiến diện. Là mỗi người chúng ta có một cái nền tảng tư duy khác nhau. Nền tảng đó là điều kiện giáo dục, điều kiện thể trạng, điều kiện não trạng, điều kiện tâm trạng, ba bốn cái “trạng” này nó cộng lại. Điều kiện thể trạng là sức khỏe mình ra sao, rồi cái não trạng là kiến thức, nhận thức của mình ra sao, thì dẫn đến tâm trạng của mình trong mỗi lúc nó ra sao.

Dựa vào chừng ấy cái background, mỗi người bèn có cái nhận thức, đánh giá, có những nhận xét khác nhau trước những trần cảnh. Tôi đốt đặc về âm nhạc Tây

phương, cho nên tôi nghe ba cái hòa âm phối khí ồ ồ, tôi không hiểu gì hết. Tôi không biết thế nào là Chopin, thế nào là Mozart, không hiểu thế nào là Beethoven, tôi không có biết. Tôi là nhà quê, tôi chỉ biết có cái lương thôi hà, tôi chỉ biết có Út Trà Ôn, tôi chỉ biết Phùng Há thôi.

Tôi là thằng Ý thì tôi nhìn spaghetti, chứ tôi nhìn cái tô bún mắm, mì Quảng làm sao tôi chịu nổi. Cho nên cái background tôi là cái gì? Là não trạng, là tâm trạng, là thể trạng, là bối cảnh giáo dục, bối cảnh sinh hoạt, bối cảnh xã hội... Tất cả những cái đó cộng lại nó trở thành cái background của tôi. Và trên cái background ấy, tôi có cái nhìn khác nhau, không giống những người khác về cái thế giới này, những gì tôi thấy, những gì tôi nghe. Thằng da đen nó khoái sặc sỡ, còn thằng da trắng nó khoái đơn giản. Bởi vì cái não trạng của nó, cái thể trạng của nó, cái bối cảnh sinh trưởng của nó không giống nhau; bối cảnh giáo dục, bối cảnh gia đình, bối cảnh xã hội, nó cũng không giống nhau.

Mình phải có cái nhìn xuyên suốt như vậy, không có dính vào các cực đoan. Thì mình mới: “À, thì ra thế giới này nó ra sao thì như vậy.”

Tôi nói một ngàn lẻ một lần rằng chúng ta có hai cách để nhìn vào thế giới: một, nhìn như là nó; hai, là nhìn như mình muốn. Xưa nay mình khổ là vì mình nhìn thế giới này từ góc độ mình muốn thôi. Mà mình nhìn theo mình muốn thì cái nền tảng mình ra sao, nó cho phép mình thấy tới đâu, mình thấy tới đó.

Quý vị nghĩ cái này quý vị mới xanh mặt nè. Ở đây toàn dân ăn học, tôi nghĩ quý vị nghe quý vị nhớ. Cái này không phải là lạ với quý vị, tôi chỉ nhắc quý vị, quý vị hết hồn. Tất cả những kiến thức của ta về toán, lý, hóa, trong thời điểm này mình nghĩ nó là đỉnh, nhưng mà quý vị biết rằng rất có thể ở một nền văn minh khác họ cười vào mũi chúng ta không?

Thí dụ như cấu tạo của một cánh máy bay, của một cái đuôi máy bay, của một động cơ máy bay, cách đây một trăm năm nó không giống như mình bây giờ. Ngày xưa để

đạt đến tốc độ cao, người ta xài cái cánh lớn, nhưng ngày nay một chiếc phản lực người ta đâu có cần xài cái cánh quay, đâu phải xài cái cánh quạt to đùng như ngày xưa nữa. Cái hình thức của máy bay, động cơ của máy bay, cái đó nó quyết định tất cả. Chứ còn ngày xưa là nó phải xài mấy cái cánh.

Chỉ riêng những khái niệm vật lý của ngày xưa, cách đây một trăm năm, khác mình dữ lắm rồi. Có những phát minh về khoa học, về y học, cách đây ba chục năm về trước là hoang đường, đúng là impossible, nhưng hôm nay nó là possible. Như hiện nay người ta có thể cấy những cái chip hay là những cái microrobot nhỏ xíu thả vào cơ thể con người cho nó đi khám bệnh. Cái chuyện đó là chuyện hôm nay có thể.

Làm được. Hôm nay người ta có thể gắn chip điện tử để người ta theo dõi ai đó.

Ngày xưa người ta chỉ có thể gắn chip vào thú rừng để người ta theo dõi, như gắn những cái chip vào cá sấu, vào chim, thú. Ngày nay người ta có thể cấy chip vào trong da thịt của mình để người ta theo dõi mình.

Vậy thì nhiều cái khái niệm về khoa học, kỹ thuật, công nghệ mà cách đây năm năm, mười năm, hai chục năm, cái đó nó là hoang tưởng, nó là hoang đường, là không tưởng, là impossible, là bất khả thi. Nhưng mà hôm nay thì đó là chuyện bình thường.

Tại sao tôi nói chuyện đó? Bởi vì chuyện rất đơn giản là chúng ta làm ơn nhớ rằng cái biết của chúng ta hữu hạn. Cái biết của chúng ta so với cái không biết còn nhỏ hơn hạt cát trong sa mạc, là vì hạt cát trên sa mạc là tử số hữu hạn mà sa mạc là mẫu số hữu hạn, bởi vì sa mạc mình tính toán diện tích nó được mà. Nhưng mà cái biết của ta là tử số hữu hạn, cái không biết của ta là mẫu số vô hạn.

Cho nên một người mà biết đại khái như vậy sẽ né được những cái suy nghĩ, những cái nhận thức phiến diện, cực đoan.

OK, hết giờ rồi. Hẹn quý vị ngày mai.